

Ngô Nguyên Dũng

Tuổi con Mèo và những ca khúc thời thượng

Khi dạy tiếng Việt cho người bản xứ, tới bài "Mười hai con giáp" của người Việt nam, sau khi học cách đối đáp, một cô học viên lên tiếng rụt rè hỏi tôi: "Còn anh tuổi con gì?" Tôi cho biết: "Tôi tuổi con mèo." Rồi lớn giọng đọc câu xét đoán cá tính: "Người sinh vào năm con mèo có ý chí mạnh, giàu cảm xúc, chu đáo, tự tin và khiêm tốn." Sau đó còn khẳng định: "Đúng hết!"

Nhưng có lẽ, đúng hơn cả là bản tính "giàu cảm xúc". Tôi đinh ninh rằng, chính bản tính này đã mối mai tôi với người bạn đời văn chương, và làm ma dẫn lối quỉ đưa đường đẩy tôi tới gần các lãnh vực nghệ thuật khác, nhất là sở thích nghe nhạc.

Tôi mê nhạc từ nhỏ. Đầu đấy, trong tận cùng tiềm thức, vẫn còn dư âm giai điệu bài "*Chuyến đò vĩ tuyến*" của nhạc sĩ Lam Phương, lần đầu tiên tôi được nghe trong dịp được ba má dẫn đi chơi hội chợ ở Thủ đức (còn gọi là "Hội chợ con gà", vì có căng một bảng quảng cáo to tướng vẽ hình một con gà quay ở cổng vào) vào khoảng 1954 hay 1955, một thời gian ngắn sau hiệp định Genève. Tôi chỉ mới 4, 5 tuổi thôi. Vui lắm. Qua giàn loa phóng thanh, một giọng ca nữ liên tục ngân nga: "*Đêm nay trăng sáng quá anh ơi, sao ta lia cách bởi dòng sông bạc hai màu...*" Kỳ khôi quá chừng, có gì mà kêu than om sòm giữa chốn vui chơi âm ỉ như vậy? Và, không hiểu sao, nó lì lợm nằm hoài trong trí nhớ tôi, có nhạt nhòa nhưng không bao giờ mất.

Kể từ đó, cuộc đời tôi gắn bó mật thiết với âm nhạc. Thuở nhỏ, với những ca khúc cùng những giọng ca thời thượng trong đầu thập niên 1960: Phương Dung, Hoàng Oanh, Minh Hiếu, Thanh Thúy, v.v... Lúc ấy Sài gòn chưa có vô tuyến truyền hình, âm nhạc chỉ được truyền qua làn sóng phát thanh và đĩa nhựa. Tân nhạc Việt nam còn phôi thai. Đa số ca sĩ kiếm sống bằng cách đi hát tại các vũ trường, phòng trà ca nhạc hay vào những buổi đại nhạc hội tổ chức cuối tuần. Và, thỉnh thoảng, tại các rạp chiếu bóng, trong phần "phụ diễn tân nhạc" vào xuất tối trước khi trình chiếu phim chính. Đó là thời kỳ hoàng kim của nhạc thính phòng Việt nam, với những giọng ca diễm lệ: Bạch Yến với "*Đêm đông*" của Nguyễn Văn Thương, Lê Thanh với "*Tiến em*" của Phạm Duy phổ thơ Cung Trầm Tưởng, Thanh Thúy với "*Đường nào lên thiên thai*" của Hoàng Nguyên, Minh Hiếu với "*Ngăn cách*" của Y Vân, Yến Vỹ với "*Thuyền trắng*" của Nhật Bằng, v.v...

Tới tuổi trở mã, không biết vì nguyên nhân gì, tôi dứt khoát chia tay tân nhạc Việt nam, để kết giao với nhạc Anh, nhạc Pháp (có lẽ vì ảnh hưởng của một vài cuốn phim ca nhạc Âu Mỹ: "*The young ones*" và "*Summer holidays*" với Cliff Richard và ban The Shadows, cũng như "*Cherchez l'idol*" có Sylvie Vartan hát "*La plus belle pour aller danser*", Charles Aznavour hát "*Et pourtant*" cùng phong trào nhạc Anh Mỹ theo bước viễn chinh của người Mỹ du nhập tràn lan thời bấy giờ ở miền Nam). Có dạo, tình cờ nghe qua đài phát thanh, tôi gặp gỡ một giọng ca đẹp, chất ngát ma lực của ca sĩ Khánh Ly, hát một ca khúc rất hiện sinh, bài "*Điểm xưa*" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Rồi, sánh vai với thời kỳ văn chương, theo tôi, sung mãn rực rỡ nhất của Việt nam, cùng những cơn địa chấn của chiến tranh và thời cuộc tại phía nam vĩ

tuyển 17, tân nhạc như những nhánh hoa dại thân nhiên và tự tại trở đoá thịnh mãn, nở quanh những vòng kẽm gai, trong những hố mưa bom loang lổ trên thân thể quê hương. Tiếng hát của hàng loạt ca nhạc sĩ trẻ trung, hợp cùng đàn anh đàn chị đã thành danh, ào ạt nổi lên tung hoành mưa gió các phòng trà ca nhạc, các trung tâm phát hành băng nhựa: Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Thanh Lan, Julie Quang, v.v... bên nữ, và Duy Trác, Elvis Phương, Jo Marcel, Sĩ Phú, v.v... bên nam (Những giọng ca hàng đầu tân nhạc Việt nam ở ngoài nước hiện nay như Tuấn Ngọc, Khánh Hà, Thái Hiền, v.v... lúc đó gần như chỉ hát nhạc tiếng Anh, và Vũ Khanh, Ý Lan, Như Quỳnh, Thế Sơn, v.v... chưa khởi nghiệp).

Tôi gần như quên băng dòng nhạc nhạc Việt thời thượng, còn gọi là "nhạc vàng", vẫn thịnh hành song song, tiếp tục góp mặt thêm nhiều tài danh khác: Thanh Tuyền, Giao Linh, Nhật Trường, Duy Khánh, Chế Linh, Thái Châu, v.v...

(Ở đây, tôi xin mở ngoặc đặt dấu hỏi về một cách gọi khác cho loại nhạc này: Nhạc "sến"! Đã có nhiều cách giải thích và bàn luận về gốc gác và ý nghĩa của từ "sến". Tôi xin được góp ý... đoán mò. Từ này có lẽ do chữ "sen" trong "con sen" (người ở, người giúp việc phái nữ) mà ra. Và "sen", tôi nghĩ, là kiểu phát âm ngắn gọn của người Việt từ *mademoiselle*, phong cách lịch sự của người Pháp dùng gọi đàn bà, con gái phụ việc ở trong nhà. Vì lẽ đó mà người Việt xách mé đặt thêm cho giới này cái tên Tây: "Marie Sến", hoặc chuyển sang Hán Việt danh từ "con sen" thành "liên tử", hay vẫn về gọi là "sến nương", được nhiều nhà văn nhà báo sử dụng nhiều trong các bài biếm luận thuở trước. Vì loại nhạc thời thượng dễ nghe, ca từ bộc trực tuồn tuột như những lời tâm sự chân thành, nên được giới bình dân, chị sen chị bép, đặc biệt ưa thích. Danh từ "nhạc sến" phải chăng từ đó mà ra?)

Trong ngày cuối cùng của thập niên 60, tôi đi du học. Vào những đêm xa nhà, thỉnh thoảng tôi lại nghe nhạc Việt, thông thường là những ca khúc của Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Ngô Thụy Miên, Lê Uyên Phương, Trường Sa. Cho tới một hôm, tình cờ tôi được nghe Thái Thanh luyện láy bài "*Ngày tạm biệt*" của nhạc sĩ Lam Phương: "*Hôm nay đây còn vui trông thấy nhau, bên tiếng ca tiếng đàn vượt trời cao, lời vui thắm thiết đưa trao, như khi mới gặp nhau. Nhưng anh ơi ngày mai ta cách xa...*" Lạ quá, có bao giờ người ca sĩ với giọng hát đài các này ngó ngang tới loại nhạc ấy đâu? Cảm xúc của tôi khoanh khắc ấy, trời ơi, khó lòng diễn tả sao cho chính xác. Và tôi thân nhiên ứa nước mắt. Khoảng đời học sinh ở quê nhà hiện hiện rành rành trong tâm thức. Trước ngày bãi trường, bạn bè thường chia tay nhau bằng những giai điệu "dễ nghe dễ hát" của tuổi học trò: "*Ngày tạm biệt*" của Lam Phương, "*Nỗi buồn hoa phượng*": "*Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn, chín mươi ngày qua chứa chan tình thương...*", hay "*Lưu bút ngày xanh*": "*Lòng xao xuyến mỗi khi hoa phượng rơi, nhắc lại câu chuyện buồn...*" của Thanh Sơn.

Nói chung, hầu hết nội dung và giai điệu các ca khúc thời thượng thời ấy đều buồn. Buồn lấm lặt, buồn chảy nước! Đến nỗi con nít con nôi như tôi thuở ấy cũng còn rung động, huống hồ...!

Không rung động sao được khi nghe ca sĩ Trúc Mai kể lể: "*Nhớ chiều nào em đến thăm anh, hai bên đường phố đã lên đèn. Mưa xuân giăng mờ kín khung trời, ngồi bên nhau lưu luyến, mưa thắm ướt đôi bờ vai ...*" trong "*Mưa chiều kỷ niệm*" của Duy Yên và Quốc Kỳ. Để rồi sau đó: "*Có một mình em đứng trong mưa, nơi đây hình bóng cũ mịt mờ ...*" Tội nghiệp chưa! Ai bắt đứng một mình trong mưa lạnh làm chi,

rồi than thở ỉ ôi. Hay để lòng nhều nhão tan theo giọng hát Thanh Tuyền với "Phố vắng em rồi" của nhạc sĩ Mạnh Phát: "*Mưa khuya hắt hiu xuyên qua màn, tình đơn giá lạnh. Đêm qua trắng đêm mơ thương hình bóng cũ xa xôi ...*" Thật tình mà nói, hàm lượng vi-ta-min C trong chất giọng của ca sĩ Thanh Tuyền hơi cao, nhưng lại thích hợp với bài hát này, mới ác! Làm tôi, trong những khuya xa nhà xa Sài Gòn, nhớ mùa mưa nhiệt đới quay quắt, lỡ nghe lại, ứa nước mắt là chuyện cũng dễ... bỏ qua thôi.

Các ca khúc của cố nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông, tôi yêu thích gần hết. Từ "*Chiều mưa biên giới*": "*Chiều mưa biên giới anh đi về đâu, sao còn đứng ngóng nơi giang đầu ...*", qua "*Máy dậm sơn Khê*": "*Anh đến thăm, áo anh mùi thuốc súng. Ngoài trời mưa lê thê, qua ngàn chốn sơn Khê ...*", hay "*Hoa phượng rơi đón mùa thu tới. Màu lưu luyến nhớ quá thu ơi ...*" trong "*Sắc hoa màu nhớ*", cho tới "*Một mùa thương kết muôn hoa lòng. Người về đây nói câu tâm đồng ...*" trong "*Hải ngoại thương ca*". Nhạc của ông đặc biệt ăn giọng ca sĩ Hà Thanh. Nhưng đôi khi, có một vài người trình bày một vài ca khúc của ông nổi bật hơn ai hết. Chẳng hạn, thời xa lắc xa lơ ấy, có nghe "quái kiệt" Trần Văn Trạch hát "*Chiều mưa biên giới*", mới có thể mừng tượng ra tâm trạng của người lính trong thời binh lửa. Không chất ngất hận thù. Không rậm rạp tin điều. Mà chỉ là những tự vấn hoang mang: "*Về đâu anh hồi mưa rơi chiều nay? Lưng trời nhớ sắc mây pha hồng. Đường rừng chiều cô đơn chiếc bóng. Người tìm về trong hơi áo ẩm. Gọi niềm xa xăm...*" Hoặc khi Thái Thanh thần thờ cất giọng: "*Về đây nghe ngác, chim bay tìm đàn. Về đây hoang vắng, lạnh buốt cung đàn ...*" ("*Về mái nhà xưa*"). Lời nhạc Nguyễn Văn Đông lạ ở chỗ, man mác "luận đề", cổ xuý "tinh thần ái quốc", là điều hiếm thấy trong loại nhạc thời thượng trữ tình.

Mưa trong tân nhạc Việt Nam còn được nhiều nhạc sĩ lồng trong bối cảnh chia tay. Ca khúc "*Hai kỷ niệm một chuyến đi*" của nhạc sĩ Tuấn Khanh bắt đầu bằng: "*Tôi đưa người đi, bước chân hoa mộng vào đời ...*" Để rồi kết thúc: "*Nghe hơi sương lạnh chỉ e trời mưa. Tay ôm kỷ niệm buồn ghi vào thơ. Kiếp mình là bến, tiễn đoàn tàu trong đêm. Bến hoang im lìm.*" Đẹp tựa bức tranh vẽ bằng những nốt nhạc luyến láy giản dị, đậm đà Việt tính, được nhạc sĩ và ca sĩ mượn tiếng đàn giọng hát, truyền đạt tâm tư tới người thưởng ngoạn. Tôi không còn nhớ, thuở trước ai là người hát ca khúc này đẹp nhất. Bây giờ, trong những lần gõ phím chui vào tin mạng, nghe nhạc vẫn vợ, tôi tìm được ca khúc này do ca sĩ Như Quỳnh trình bày. Như Quỳnh có giọng hát đẹp, rõ ràng tròn trịa, nhiều cảm tính. Tương tự như vậy, khi cô cất giọng: "*Lòng xao xuyến buồn khi chia ly. Bạn ơi nhớ cầm tay nhau đi... Còn đâu những chiều trông mưa ngâu. Nhìn hoa lá mà ước hái cho nhau, cánh hoa muôn màu...*" ("*Ga chiều*" của nhạc sĩ Lê Dinh). Cô là một trong vài giọng hát, bên cạnh Hương Lan, Thế Sơn v.v..., trình bày nhạc thời thượng hợp tính với sở thích âm nhạc tương đối đa dạng của tôi.

Một ca khúc khác của nhạc sĩ Lê Dinh, tôi thấy cũng dễ thương không kém là "*Tám ảnh ngày xưa*": "*Ngày xưa em đến chơi, tặng tôi một chiếc hình. Ghi nhớ ngày chúng mình vừa quen nhau ...*" Rồi cũng chia tay thôi: "*Giờ đây trong bóng đêm mình tôi bên chiếc hình. Bao kỷ niệm êm đềm ngày xưa, như sống lại, người ơi, trong ánh mắt ...*" được ca sĩ Thanh Thúy, từng được giới mộ điệu mệnh danh là "tiếng hát liêu trai", cũng như ca sĩ Minh Hiếu trình bày trên đài phát thanh và thâu vào đĩa nhựa.

Và nghe kia, ngộ quá, cổ nhạc sĩ chuyên sáng tác nhạc "đàng hoàng", không biết vì nguyên nhân bề bàng nào, cũng có lần cảm hứng sinh tình ghi lại *"Trang nhật ký"*, chao ôi, điệu boléro nhều nhão chảy nước. Sau này được ca sĩ Như Quỳnh thu âm, nghe náo lòng lăm lăm: *"Giờ đây âm thầm bên trang nhật ký, lắng xuôi tâm tư hoài mơ bóng ai xa ngàn ..."* Và kết thúc một cách rất đúng điệu "phục đèn màu": *"Để nay duyên buồn đưa sang mùa cưới. Bước lên xe hoa còn ngỡ ngác trông xa vời. Thầm buông câu biệt ly trong cõi đời. Nhật ký năm nào đành lòng đốt thôi người ơi."* Hàng thiết rồi! Nhưng không hiểu sao, một kẻ giàu cảm xúc như tôi khi nghe lại... khô rang khô khóc. Có lẽ vì thiếu kinh nghiệm "bước lên xe hoa" chăng?

Đôi khi, có vài trường hợp thú vị, những ca sĩ chuyên hát loại nhạc "kén thánh giá" cũng góp giọng ngân nga nhạc thời thượng. Như Julie (ra nước ngoài một khoảng thời gian, cô chọt đuôi đoạn tuyệt với chữ Quang) hát *"Lưu bút ngày xanh"* của nhạc sĩ Thanh Sơn. Nghe mà ứa nước mắt tưởng lại thời đi học: *"Và thuở ấy biết bao nhiều buồn vui, gói trọn trong tuổi đời. Tình đẹp như trang giấy kết vần thơ, như một nụ hoa trắng ..."* Tôi thích tiếng hát Julie, nhất là trước kia ở Sài Gòn. Nghe cô tẩm nước mắt vào chất giọng, trình bày *"Mùa thu chết"*, lấy ý thơ Guillaume Apollinaire (nhưng theo tôi, người trình bày nhạc phẩm này tuyệt vời nhất, là ca sĩ Cathy Huệ trong ban nhạc trẻ Cathy Huệ and The Hammers), hay lú lo kể chuyện tình học trò *"Ngày xưa Hoàng thị"*, phổ thơ Phạm Thiên Thư, của nhạc sĩ Phạm Duy, mới cảm thấu nét hài hoà giữa nhạc và thơ trong tân nhạc Việt nam.

Hay khi Sĩ Phú rót giọng trầm ấm: *"Bạn ơi, quan hà xin cạm chén ly bôi. Ngày mai tôi đã, đã đi xa rồi ..."* Đi đâu vậy ta? Lẽ đương nhiên, trong thời chinh chiến, chỉ có: *"Rồi đây mai này ai hỏi đến tên tôi. Bạn ơi, hãy nói 'khoác chiến y' rồi ..."* (*"Biệt kinh kỳ"*, nhạc và lời của Minh Kỳ và Hoài Linh). Trước kia, đài phát thanh Sài Gòn và Quân đội đã một thời cho nghe rờn rã ca khúc này, qua tiếng hát trau chuốt của cố ca sĩ Nhật Trường. Ông cũng là một nhạc sĩ tài hoa, lãnh phần tư vấn loại nhạc thời thượng với danh hiệu Trần Thiện Thanh và Anh Chương. Giới yêu nhạc tuổi đã... xế chiều và sồn sồn năm, sáu mùa trăng đời người, hẳn ai cũng nhớ và thuộc lồm bồm vài câu của những *"Lâu đài tình ái"*, *"Hoa trinh nữ"*, *"Không bao giờ ngăn cách"*, và nhiều, rất nhiều ca khúc thịnh hành khác nữa của ông. Trong đó có *"Đám cưới đầu xuân"*, mà cá nhân tôi không bao giờ quên và cho là đáng yêu nhất, khi được giọng hát tươi trẻ của ca sĩ Thanh Lan trình bày trong một cuộn băng Shotguns chủ đề Xuân năm nào: *"Ngày xưa ngày xưa đôi ta chung nón đôi ta chung đường. Lên sáu lên năm đôi ta cùng sách, đôi ta cùng trường ..."*

Và sau này ở hải ngoại, ca sĩ Anh Dũng có thu âm bài *"Mấy dặm sơn khê"* của cố nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông: *"... Anh đến đây, rồi anh như bóng mây. Chốn phương trời ấm lạnh, hoà chung mái nhà tranh ..."* Tôi nhận thấy lời bài hát này có vài chỗ đề cao lý tưởng hơi gượng ép, nhưng giai điệu đậm đà bản-sắc-Nguyễn-văn-Đông, và rất thích hợp với giọng ca của Anh Dũng. Anh có làn hơi dài, khoẻ, thỉnh thoảng luyến láy bất ngờ, nghe rất thú vị. Tôi cho rằng, không ai có thể diễn đạt ca khúc *"Còn chút gì để nhớ"*, nhạc sĩ Phạm Duy phổ thơ Vũ Hữu Định, sắc sảo hơn anh được.

Trường hợp của nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ xét ra, thấy có điểm lạ. Ngoài những bài nửa thời thượng nửa tuyên huấn như *"Trăng tàn trên hè phố"* hay *"Những ngày xưa thân ái"*, ông còn sáng tác nhiều ca khúc mang âm hưởng quê hương như *"Nắng lên xóm nghèo"*, *"Đường về hai thôn"*, *"Thuyền hoa"*, v.v... Nhưng, trong số đó, bật ra hai ca khúc ngoại lệ: *"Tóc mây"* và *"Áo lụa vàng"*. Bài thứ hai, ngày trước, được ca sĩ Hà

Thanh trình bày vô cùng truyền cảm và rất được giới học sinh, sinh viên miền Nam yêu thích vì mang mang hàm ý phản chiến: "*Ngày xưa em đến, em mặc áo lụa vàng ... Ngày mai em đến, xin mặc áo lụa vàng. Nghe em hãy nhớ, quê hương ta đó, đang cần đến tình người, đang cần đến nụ cười, ...*" Và: "*Chiều nay em đến, vẫn màu áo lụa vàng, như xưa trong trắng, mang theo ánh nắng. Cho đời bớt lệ sầu, cho lòng bớt hận thù. Anh đi vào tuổi thơ ...*" Bạn ạ, không lần nào, nghe tới đây, mà tôi không rơm rớm nước mắt. Đã bốn mươi năm qua, vậy mà bài hát vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa.

Thử một chút so sánh, tôi nhận ra điểm đặc thù của thời kỳ tân nhạc ở miền Nam trước kia: hầu như mỗi giọng hát mỗi dòng nhạc đều đậm nét độc đáo, kèm giấy khai sinh, thẻ căn cước, có cầu chứng tại toà đoàng hoàng, không nhầm lẫn với ai khác. Và ai cũng kè kè bên mình ít nhất một ca khúc làm... thuốc: Thái Thanh với "*Tình ca*" của Phạm Duy, Bạch Yến với "*Đêm đông*" của Nguyễn Văn Thương, Khánh Ly với "*Diễm xưa*" và... tử thuốc đồ sộ của Trịnh Công Sơn, Lệ Thu với "*Xin mặt trời ngủ yên*" của Trịnh Công Sơn, Jo Marcel với "*Mộng dưới hoa*" của Phạm Đình Chương phổ thơ Đinh Hùng, Thanh Lan với "*Gọi người yêu dấu*" của Vũ Đức Nghiêm, Elvis Phương với "*Vết thù hằn trên lưng ngựa hoang*" của Phạm Duy và Ngọc Chánh v.v... Ca sĩ hát nhạc thời thượng cũng vậy, người nào cũng giấy tờ, thuốc men đầy mình: Thanh Thúy với "*Tàu đêm năm cũ*" của Trúc Phương, Hùng Cường với "*Ông lái đò*" của Hiếu Nghĩa, Minh Hiếu với "*Lâu đài tình ái*" của Trần Thiện Thanh, Phương Dung với "*Những đóa hoa sim*" của Dzũng Chinh, Hoàng Oanh với "*Ai ra xứ Huế*" của Duy Khánh, Trúc Mai với "*Hàn Mặc Tử*" của Trần Thiện Thanh, Thanh Tuyền với "*Nỗi buồn hoa phượng*" của Thanh Sơn, và nhiều, rất nhiều ca sĩ khác nữa... Là điều hiếm thấy trong nền tân nhạc Việt nam sau chiến tranh hiện nay. Có thể nêu ra một vài trường hợp ngoại lệ ít ỏi như Như Quỳnh, Hoạ Mi, Ngọc Hạ, Vũ Khanh, Anh Dũng, ... ở ngoài này, và Quang Dũng, Quỳnh Lan, Khắc Dũng, Xuân Phú, ... ở trong kia.

Tóm lại, tôi nghĩ, loại âm nhạc thời thượng không dành riêng cho giọng ca hay ca sĩ nào. Quan trọng ở chỗ, người ca sĩ có đem lại xúc cảm cho người thưởng ngoạn hay không. Mà, đã là xúc cảm, thì rất riêng tư và không lẽ gì lại có sự khác biệt thấp cao, hay dở...

Cảm xúc của tôi, người tuổi con mèo, là vậy đó. "Sến" lắm!

Vọng Tương

đêm thổi mưa sa về quá khứ
bôi lệ nhoà mặt giấy văn chương
pha màu bất hạnh lìa ngôn ngữ
một sợi nắng thôi mọc cuối đường

rắc tro bát nhã tràn biển hạnh
sóng căm phần quất bờ lương tri
tay không giấu nguyệt nghiêng tịch lặng
che trái tim đau rất đôi khi

sớm mai rớt giữa mùa vọng tưởng
nghe hoang mang rụng giữa tâm kinh
trùng vây pháp nạn ngời độ lượng
sắc không hai lẽ ngậm vô minh

Đền Rùa Vàng

Nụ mang ra cho tôi đĩa bánh cuốn còn bốc khói, đặt lên bàn, cất giọng thanh tao:

- Mời anh.

Tôi nhòe cười thay cho lời cảm ơn. Cặp mắt mí lót của Nụ liếc nhìn tôi, nghịch ngợm:

- Bữa nay thua nhiều há!

Tôi than thở:

- Bị quê cơ.

Nụ tinh quái:

- Tại Nụ mà anh quê cơ chứ gì?

Tôi nhớ có lần đang chơi bi-da, Nụ từ phòng trong bước ra xem. Từ lúc đó tôi không chú tâm được nữa. Không "sơn mỏng" được "giò gà". "Mắt kiếng" lại thật quá mạnh, không giữ được bi. Tôi bông đùa, đổ lỗi cho Nụ, đứng xem khiến tôi bị phân trí.

Nụ không đẹp, nhưng miệng cười có duyên và nói chuyện hiền lành, không kiêu cách. Tôi không để ý nhiều đến Nụ, nhưng khoe mắt Nụ nhìn tôi mỗi khi tính tiền và thỉnh thoảng nàng còn nhân nhượng bớt cho tôi vài đồng bạc lẻ, đã làm tôi bối rối không ít. Bạn bè bảo tôi là thằng nhát gái. Tử vi tôi có sao Đào Hoa và Hồng Loan chiếu mệnh, gái bám phũ không hết, một thằng bạn lý giải như vậy. Tôi chỉ cười. Tôi nào để tâm tới mấy chuyện này, vì tôi vẫn chưa quên hình bóng Đoan. Chúng tôi mất liên lạc với nhau đã nhiều năm nay. Những lá thư tôi gửi đi đều không được hồi âm. Chuyện gì đã xảy ra cho Đoan? Lấy chồng, vượt biên mất tích hay không còn yêu tôi nữa? Tôi đã khổ sở với những nghi vấn ấy một thời gian dài. Rồi tôi tự tìm quên bằng cách học thiền. "*Hít vào tâm tĩnh lặng. Thở ra miệng mỉm cười*". Nếu trong chuyện tình cảm, tôi là một kẻ bất hạnh, thì trong chuyện tu tâm, tôi là một thằng dốt. Lúc nào cũng vậy, tôi chỉ kiểm soát được hơi thở mình đến lần thứ hai mươi lăm là hết, những phiền muộn lớn bé lại chập chờn hiện ra trong trí tôi. Quá khứ cũng như tương lai, thời gian nào cũng có mặt Đoan. Từ quê nhà sang đến đây, không gian nào Đoan cũng hiện hữu. Và rõ nét không kém là cảnh hồ nuôi rùa trong một ngôi đền Trung hoa ở Đa kao. Chiều nào xa xưa, tôi và Đoan sát vai nghiêng xuống ngắm

bầy rụa rị mọ chậm chạp trong hồ nước cạn, rêu phủ xanh rì. Bóng mát cổ thụ toả đằm đằm. Cảm giác bình an, bầu không khí đạo vị ấy đã hằn vết trong tâm tưởng tôi.

Nhiều năm qua mau, vết tích ấy vẫn rì rĩ máu.

- Trình, có chơi nữa không?

Một người bạn lớn tiếng gọi. Tôi gác đĩa ngang miệng đĩa, uể oải:

- Không, chán rồi.

Thế là cả bọn ồn ào chia cặp, cá độ. Tự dưng tôi cảm thấy cô đơn, nỗi cô đơn của mười hai con giáp không giống con nào. Tôi móc một điều thuốc, châm lửa. Ý nghĩ tôi theo làn khói bay lang thang.

- Bánh cuốn hôm nay em làm có được không anh?

Tôi ngẩng lên. Nụ đứng bên tôi từ lúc nào, mặt tươi rói. Tôi gật đầu:

- Nụ nấu ăn khéo.

- Món Bắc, món Nam em đều nấu được, chỉ có món Trung là dở.

- Anh không biết làm bếp.

- Xạo, ở đây lâu như anh, người nào nấu nướng cũng giỏi.

Tôi cù cưa:

- Anh là trường hợp ngoại lệ, bất tài vô tướng.

Một đĩa đang chơi bi-da, chỏ miệng vào:

- Thăng Trình một vợ hai con rồi đó, cô Nụ coi chừng!

Tôi đứng lên, vỗ nhẹ vai Nụ:

- Nụ vào trong tính tiền cho anh!

Chuỗi cười chọc ghẹo của lũ bạn bám theo tôi và Nụ vào tới phòng trong. Quầy rượu lèo tèo vài chai lụng. Hai cái ly ám bụi. Tượng ông thần tài mập phệ, miệng cười hoài không mỏi. Giàn máy đang chạy một băng nhạc thời thượng. "*Mười năm không giặt tường chừng như đã...*" Góc bếp chật hắt thoáng mùi nước mắm. Nụ mở hộp thiếc, lấy ra xấp giấy con xốc xếch. Tôi ngồi trên ghế cao, ghé mắt đợi như phạm nhân chờ nghe án lệnh. Nụ lẩm nhẩm tính:

- Giấy ký sổ của anh từ tháng trước tổng cộng 95 đồng 25 xu. Tiền bàn bữa nay là... là... để coi... à, 16 đồng 20 xu, cộng với tiền thuốc lá, bia, cà-phê, nước ngọt và một đĩa bánh cuốn, cả thầy là 24 đồng. Như vậy, anh thiếu Nụ 135 đồng 45 xu. Anh trả Nụ bây giờ, Nụ bớt cho anh 45 xu.

Tôi kỳ kèo:

- Bớt 5 đồng 45 xu đi!

Nụ ngược mặt, nhếch môi:

- Bớt cho anh, mấy người khác biết được, họ tị nạnh, khó xử cho em.

- Ừ, thôi.

Tôi trả tiền, không khỏi nghĩ tới cái trương mục ốm đói của mình. Gần năm nay, tôi thất nghiệp. Tôi muốn rên rỉ một ca khúc cũ: "*Lòng buồn dạt dào nhớ hôm nào không tiền tiêu, lái Hồng-đa tôi chạy rong...*", nhưng không thốt nên lời, chỉ bật cười khan. Nụ ngẩn ngơ nhìn tôi. Bỗng dưng tôi thấy Nụ đáng ghét. Khi không bày chuyện mở ra cái hội quán bi-da bi-thịt này, làm tôi tốn tiền không ít.

Tuy nói không bớt, nhưng khi thối lại tiền, Nụ cũng tính tròn thành 130 đồng. Tôi giả bộ đẩy đưa:

- Anh không lấy đâu, anh không muốn vì anh mà em khó xử.

Chắc lúc đó bản mặt tôi láu cá lắm, vì Nụ bắt tẩy được ngay:

- Thôi đi ông, làm bộ hoài.

Tôi nhoen cười theo kiểu "*hít vào tâm tĩnh lặng...*":

- Cám ơn Nụ đã phát tâm làm phước, kiếp sau...

Nụ ngắt lời:

- Ở đây không phải là chùa chiền hay nhà thờ, không có kiếp trước kiếp sau gì hết.

Tôi ba hoa:

- Tu chợ mới khó, chớ tu chùa, dễ ợt.

Nụ nhíu mày:

- Hôm nay anh làm sao ấy. Hén mở miệng.

Tôi thàm kêu, Nụ ơi, tâm sinh lý anh đang xáo trộn, anh đang cô đơn như một con cọp tuyết, một con đom đóm đực; cho anh gầm lên một tiếng rung chuyển cả không gian, cho anh phát quang một lần rục cả đêm thâu, rồi chết cũng đành. Và tôi lên tiếng:

- Đêm nay anh đưa Nụ về.

Nụ cười giòn:

- Anh nói nghe như hát.

Hai má tôi nóng bừng, không hiểu vì men bia còn lại hay vì lời đề nghị táo bạo của mình. Tôi nói lảng:

- Ủ, hình như có bài hát ...

Rồi tôi ngân nga:

- *Đêm nay anh đưa em về, vì sao lung linh nhè nhẹ...*

Nụ bối rối quay mặt, giấu nụ cười e thẹn. Một lần nữa tôi khẳng định, không có người con gái nào xấu. Dẫu nhan sắc ai dưới điểm trung bình, vẫn có đôi lúc thẹn thùng trông duyên dáng lạ.

- Anh uống gì nữa không? Em mời.

Nụ hỏi. Tôi gật:

- Cho anh một tách cà-phê, uống để giải rượu.

- Uống nước chanh mới giải rượu.

- Vậy cho anh một ly nước chanh.

- Làm biếng lắm, Nụ pha cà-phê vậy.

Tôi buột miệng:

- Cà giựt quá!

Nụ tỉnh queo:

- Không những cà giựt, Nụ còn cà chua nữa đó anh.

- Anh thích canh cà chua với trứng.

- Canh nhà nghèo.

- Anh đang nghèo kinh khủng.

- Nghèo mà ham.

- Ủ, anh có tính ham hố quá độ, chẳng hạn như ham trứng số.

Nụ cất giọng cười trong trẻo:

- Nếu trứng số, anh sẽ làm gì?

- Phải làm nữa sao? Nghỉ làm, chỉ chơi thôi.

Nụ đặt tách cà-phê xuống mặt quầy. Tôi chậm rãi cho đường, rót sữa, khuấy trầm ngâm. Trí óc tôi bật ra những mộng tưởng. Tôi vẽ vờ:

- Nếu anh trúng số, anh sẽ trở thành một trọc phú bản tiện, suốt ngày đếm tiền mệt nghỉ.

Nụ xoe mắt:

- Ủa, Nụ tưởng anh có tiền, chỉ lo chơi.

- Chơi hoài cũng chán, hoang phí riết cũng nhàm, phải keo kiệt một lần cho thiên hạ biết tay.

- Anh không thể là một người bản tiện được.

- Tại sao?

- Vì anh sẽ không bao giờ trúng số.

- Chờ xem hồi sau sẽ rõ.

Và tôi đổi giọng triết lý:

- Nghèo hay giàu đều khổ. Nhưng cái khổ của người có tiền dù sao cũng thoải mái hơn, trọc phú Hoa kỳ Roosevelt đã tuyên bố như vậy.

Nụ nhún nhường:

- Em không ham nhiều tiền.

Tôi chọc ghẹo:

- Vậy là em thuộc loại "một túp lều tranh với hai quả tim vàng".

Nụ thêm vào:

- Phải nuôi thêm gà.

Tôi ngớ mặt:

- Chi vậy?

- Để giống như cô Ba-bé.

Tôi thở ra:

- Lại thêm một tâm hồn cô độc.

Vừa lúc đó, đám chơi bi-da từ phòng ngoài ồn ào kéo vào, kêu Nụ tính tiền. Những ánh mắt nhìn tôi và Nụ, nửa dò xét nửa nhạo báng. Tôi đóng vai "trai tở vô tội", tỉnh bơ châm thuốc, nhả khói mù mịt. Nụ chỉ tôi tấm bảng "cấm hút thuốc" treo trên vách. Tôi nhún vai, hộp cạ tách cà-phê, lững thững bước ra hiên ngoài.

Thời tiết đầu hè dịu mát. Hương hoa đêm bên vườn hàng xóm toả nhẹ. Cảm giác thời gian là bàn tay không lồ ve vuốt thịt da phủ lấy người tôi, ngất ngây choáng váng. Cùng lúc là cảm xúc đổ vỡ. Những nhịp cầu không gian gãy đôi, trầm mình dưới dòng sông mất trí nhớ. Người tôi run lên. Tôi tự vỗ về, đừng, đừng để lòng mềm yếu như vậy chứ Trình! Tôi vừa làm bấm như một kẻ quần trí, vừa lần tay mở nút áo sơ-mi trên cùng. Hơi đêm phà mát ngực trống. Tôi mân mê sợi dây chuyền móc đồng tiền khắc chữ phúc bằng tiếng Hán đeo quanh cổ, kỷ niệm ngày xưa giữa tôi và Đoàn long lanh hiện về. Buổi trưa trốn nắng trong đèn rùa vàng. Máu nắng nhiệt đới êm ả toả mát hồn tôi, gợi nhớ ray rứt. Tôi ngược mắt tìm những vì sao quen thuộc cũ. Trời đêm tha hương cao vợi. Sao tha hương xa tít tắp, không đủ tầm tay với.

Tiếng ồn của đám bạn lục tục kéo nhau ra cửa xô tôi về với thực tại. Một đứa đập vai tôi, nói như hạch sách:

- Làm gì đứng một mình trong bóng tối vậy mà?

Tôi xảng giọng:

- Đang đêm đốt đèn đứng đái đường.

Đứa khác được dịp, xỏ một hơi:

- Thằng Trình thất tình treo tường tự tử, thân thể trần truồng, trứng thòng tòn teng teo tái trông thấy tởm!

Cả lũ ngoác miệng cười đủ kiểu. Có đứa lên tiếng hỏi:

- Sao chưa về, mà?

Tôi thật thà khai báo:

- Còn chờ đưa Nụ về.

- Thằng này coi vậy mà có hiểu.

- Coi chừng ăn dao, nghe mà!

- Nụ hoa nào gặp phải tay thằng Trình, sau vài hôm là toè loe toét loét ra.

Tôi gắt:

- Tụi mày bựa vừa vừa thôi, cô Nụ nghe được, kỳ chết.

Nụ cũng vừa tắt đèn, bước ra khom lưng khoá cửa. Thấy Nụ, cả bọn im bật, miệng như dính keo. Tôi đi trước, Nụ ngoan ngoãn theo sau. Tôi mở cửa xe cho Nụ, phì cười nhái nheo mấy câu thơ tiền chiến. "*Tôi đi, Nụ theo sau. Tôi không dám đi mau. Sợ nàng chê hấp tấp. Số con rệp không giàu*".

Nụ cài dây an toàn, hỏi khê:

- Anh cười chuyện gì?

Tôi đáp lửng lơ:

- Cười băng quơ cho đỡ buồn.

Nụ không tha:

- Anh buồn chuyện gì?

Tôi cù nhầy:

- Buồn vu vơ cho vui.

- Anh sống nhiều với nội tâm, chỉ khổ.

Tôi mở máy, rồ ga, cho xe lăn chậm vào lòng phố đêm. Im lặng một lát, tôi mới lên tiếng:

- Nội tâm anh phức tạp như cái tổ ong, Nụ đừng để ý.

Nụ ví con:

- Ong góp mật cho đời thêm ngọt.

Tôi cảnh cáo:

- Bị ong chích một lần, nhớ đời!

Nói xong, tôi không dám quay nhìn Nụ, và thấy mình số sãng như hàng tôm, hàng cá. Tôi nhớ tới câu ca dao có kim, có thịt chích nhau, nhếch môi cười lén. Nụ biết được, chắc bóp cổ tôi chết. Không khí bỗng dưng ngọt ngào, khó thở. Tôi mở máy phát thanh. Nhạc kích động vang lên chói tai. Tôi đổi đề tài:

- Ban đêm đài phát thanh thường cho nghe nhạc giựt gân, để tài xế khỏi ngủ gục.

- Nụ chỉ thích nghe nhạc Việt nam.

- Nhạc Việt buồn đứt ruột, thành ra nước mình không phát triển nổi.

- Buồn mới thắm.

- Ủ, nhưng đừng uỷ mị.

- Em thích người đa cảm, vui thì cười, buồn thì khóc.

- Anh đa đủ thứ.

- Vì vậy mà anh trẻ hoài.

Tôi kêu lên:

- Ôi, anh chưa già mà Nụ!

Nụ cười lí nhí:

- Tóc anh muối tiêu rồi, còn bảo chưa già!

Tôi cố vớt vát:

- Có người xúi anh nhuộm tóc, nhưng nhà anh nghèo, còn phải gởi tiền về Việt nam nuôi mẹ già đang bệnh nặng, nên không để ý tới chuyện sửa sang nhan sắc.

- Hôm nào sinh nhật anh, Nụ sẽ tặng anh mùi lọ thuốc nhuộm tóc.

- Anh không cho ai biết ngày sinh bao giờ, sợ bị mắng, nghèo còn ham nhận quà.

- Được quà, ai lại không ham?

- Đã bảo, anh là trường hợp ngoại lệ, là một động từ bất qui tắc, khó thuộc khó nhớ.

- Anh phức tạp thật đó!

Tôi chất lưỡi:

- Nói rồi mà không tin.

- Nụ tin chứ... Anh bỏ Nụ ở đầu đường, Nụ đi bộ vào được rồi.

Tôi từ từ tấp xe vào lề. Chào tôi xong, Nụ còn chêm thêm câu:

- Anh nói chuyện có duyên lắm!

Tôi tưởng tượng ra nét mặt mình khi được khen, chắc hí hửng đáng ghét lắm, và nhủ lòng, cố đừng để Nụ hiểu lầm. Tôi trông theo dáng Nụ lầm lũi dọc theo lề đường. Nụ có thân hình đẹp. Áo thun bó eo thon. Quần *jeans* khít khao cặp mông tròn. Tôi chờ cho Nụ rẽ vào ngõ mới nhấn ga chạy tiếp. Tôi cho xe trườn chậm giữa phố khuya rộng thênh. Tôi chợt thấy mình mệt mỏi, già cỗi và đơn độc như con cá trê vùi mình trong đất chờ mưa tới. Ông Từ Thức thuở xưa lạc chốn bồng lai một khoảng thời gian, trở lại trần thế thì đã mấy trăm năm trôi qua. Như thế, thời gian chẳng nghĩa lý gì. Tất cả chỉ là một giao ước giữa loài người với nhau. Ngày, tháng, năm và thế kỷ. Lịch dương và lịch âm. Cả thái dương hệ cũng chẳng là cái thứ gì trong vũ trụ mênh mông này. Biết vậy, đã nhận ra điều vô nghĩa ấy, có sao tôi vẫn dần vật khổ đau với những tiểu tiết không đâu? Tôi là nhà sư Thích đủ thứ, tu hoài, vẫn không đắc đạo. Tôi mãi miết đi tìm cái mất trong quá khứ và cái không cho tương lai. Tôi vẫn còn nguyên cảm tính của một sinh vật, tìm cách thoả mãn những khát vọng sinh tồn. Tôi kêu thảm, Đoan ơi, tại sao vậy? Tại sao anh không thể quên em? Ngàn ấy năm quen nhau nào thấm thía gì với tuổi đời của địa cầu, của vũ trụ, mà sao anh vẫn chưa quên?

Đến nhà, tôi tắt máy, gục đầu xuống tay lái, rầm rứt khóc.

Chỗ trọ của tôi nằm trong một ngõ cụt đầy bóng tối. Đêm im vắng tràn trụi ôm choàng lấy tôi. Một nỗi khiếp sợ vô cớ bủa vây tâm hồn tôi, như con thú rúm thân qui phục trong tấm lưới vô hình. Tôi không muốn vào nhà lúc này. Tôi sợ tiếng chìa khoá lạnh lẽo, khô khốc tra vào ổ. Tôi sợ những âm dội đuổi theo bước chân mình. Tôi chán mớ chần nệm quen hơi như hơi hướm nồng gắt của một người tình già. Tôi ngại phải mơ lại những giấc mộng không đoạ cuối. Trời ơi, những con rùa đèn vàng cứ đeo ám lấy tôi, cả bầy chục, trăm, ngàn con. Những mai rùa khắc chữ phúc lừ đừ chuyển động, chậm mà chắc, xấn tới, trườn lên người tôi, cưỡng đoạt ý thức tôi. Những cái đầu rùa nhú dài, ngúc ngắt, trông như những dương vật vớ đầy đủ mắt, mũi, miệng... Một tiếng động vang lên. Tôi lạnh người, ngẩng đầu. Con mèo nhà hàng xóm ngang nhiên nhảy lên ngồi trước kính xe, giương mắt nhìn tôi trân tráo. Người và vật sừng mắt đối diện giây lát. Rồi, con thú duỗi chân ném mình xuống đất, lủi vào hàng rào mát dạn. Tôi mở cửa xe, bước ra. Căn nhà mọc thêm những cánh tay, chờ ôm tôi vào lòng.

*

Đoan và tôi nghiêng vai nhìn xuống hồ nước cạn. Nắng xuyên tàn cổ thụ, soi đóm xuống mặt nước xanh rêu. Bầy rùa buổi trưa đang tĩnh tâm thiền định. Không gian phẳng phiu, không một vết gập. Lũ chim sẽ thành phố trốn nắng nơi nào, không nghe tiếng riu rít.

Đoan cất tiếng:

- Rùa sống lâu không anh?
- Như người, có khi lâu hơn.
- Em không thích giống rùa, trông chúng bò chậm chạp mệt nhọc, bực mình quá.
- Anh lại thấy rùa là một sinh vật đầy bí ẩn. Chúng là loài thú độc nhất có thật trong tứ linh. Anh còn thích huyền thoại rùa hoàn kiếm trong lịch sử.

Đoan lắc đầu:

- Em không tin chuyện đó có thật.
- Đã bảo là huyền thoại mà... Còn em thích giống thú nào?
- Em thương chó con, gà con, mèo con. Nói chung, thú vật còn nhỏ, con nào cũng dễ thương cả.

Tôi kêu:

- Sao không thú nhận, em thích chơi bầu cua cá cộp cho rồi!

Đoan nói như rên:

- Đừng nhắc, em lại nhớ Tết ở nhà.

Quê Đoan ở ngã ba Trung lương. Nàng lên Sài gòn trọ học nhà dì dượng đã hai năm nay. Lần nào chúng tôi gặp nhau, Đoan đều than nhớ nhà. Tôi bảo, nhớ thì về thăm, Sài gòn và Trung lương đâu xa xôi gì. Hằng năm, Đoan về nhà hai lần, bái trường và Tết. Từ khi quen tôi, Đoan xè đôi những dịp nghỉ, một nửa dành để đi chơi với tôi. Chúng tôi chưa hề nói thương nhau. Tình cảm giữa hai đứa chỉ giới hạn ở bàn tay nắm và những lần ôm nhau trong mấy buổi nhảy đầm lậu. Không hiểu Đoan nghĩ sao, vì tôi chưa hỏi, riêng tôi vẫn chưa định rõ lòng mình. Có đôi lúc tôi nhớ Đoan ghé góm, thềm có nàng ngay bên cạnh, ước được áp mặt vào vai nàng. Cũng có những khi tôi tự vấn lòng, thấy hoang mang những hoài nghi. Má tôi thường nói: "Thằng Trình ít nói, nhu mì nhũ mĩ như con gái, lại nhiều tưởng tượng, sau này sẽ khổ." Thuở ấy tôi nào để ý gì tới chuyện "sướng" hay "khổ". Hai cảm tính trừu tượng ấy chỉ đơn thuần là những nhu cầu vật chất, như "có, không" hay "được, mất". Lớn dần, tôi bắt đầu nghĩ tới chuyện "cho" và "nhận". Tất cả những đối tính ấy dường như không còn mình bạch nữa. Vùng xám ngấn chia trắng, đen càng lúc càng lớn. Sẽ có lúc chúng hoà vào nhau.

- Anh đang nghĩ gì?

Đoan hỏi giọng đầy thắc mắc. Tôi cúi đầu sát vai nàng:

- Lan man, không bờ bến.

- Còn em đang nghĩ gì, anh biết không?

- Làm sao biết được.

- Em nghĩ tới chuyện tương lai.

Tôi xoay người, tựa lưng vào thành hồ, đối mặt Đoan. Hai mắt nàng chớp nhẹ. Tôi dăm dăm nhìn vào nốt ruồi tham ăn gần môi trên của Đoan, thấy nàng duyên dáng kỳ lạ. Tôi muốn áp môi mình lên đó, để thử lại định luật từ tính âm dương hút nhau.

Đoan tần ngần giây lát, rồi nói:

- Không biết chuyện học vấn của em rồi sẽ tới đâu.

Nàng làm tôi cụt hứng. Mọi qui luật vật lý bỗng trở nên vô duyên. Tôi cúi đầu nhìn những ngón chân nhú ra mũi dép xăng-đan, thấy chúng kỳ cục hết sức. Ông trời sinh ra mười móng chân và hai đầu vú đàn ông để làm gì?

Tôi lên tiếng hỏi Đoan. Nàng trợn mắt:

- Hỏi gì kỳ.

Tôi không dám cười lớn, không phải vì sợ Đoan giận mà e làm kinh động bầu không khí yên tĩnh ban trưa. Tôi chuyển đề tài:

- Em có mê tín dị đoan không?

Đoan tủm tỉm:

- Hình như có.

Tôi đề nghị:

- Mình vào đèn xin xâm nghe Đoàn!

Đoàn lưỡng lự:

- Em sợ biết trước chuyện mai sau.

Tôi nắm tay Đoàn kéo tới:

- Khẩn vái thôi cũng được.

Đoàn ngoan ngoãn sánh vai tôi bước vào đèn thờ. Chúng tôi tháo dép bỏ ngoài ngạch cửa. Không hiểu từ đâu, hơi mát hắt ra khiến tôi tỉnh táo hẳn. Hương trầm lan dịu. Những chân nến không thấp, hai bình hoa vụn thọ, lư hương tàn lạnh, hai pho tượng ông Thiện và ông Ác đứng trên điện thờ chăm chăm nhìn xuống. Đèn chụp đèn dầu nhỏ ngọn hắt ánh sáng từ mù.

Đoàn tìm tay tôi, siết lại. Chúng tôi đứng trước hai cột gỗ lớn dán cặp liễn đỏ. Hàng chữ Hán thảo mực kim nhũ sáng lờ mờ như lời gởi gắm mòn mỏi. Bây giờ tôi mới nhận ra những hình dơi ngậm đồng tiền kẻ chữ phúc khác đầy sà ngang. Cả điện thờ là một bức tranh đầy sắc ảm. Tôi và Đoàn đồng loạt quì xuống. Tôi khum tay trước ngực, ngược mặt. Đôi mắt ông Thiện và ông Ác long lên sáng quắt. Con dơi há miệng nhả đồng tiền chữ phúc cột chỉ đỏ xuống chiếu hoa. Ngọn đèn dầu rục lên. Lửa tràn ra, liếm vào tấm nhiễu đỏ, phục cháy. Khói tuôn mù mịt. Tiếng lửa lách tách, tiếng gỗ cựa mình rã rã như lời thú tội sau cùng... Tôi buông tay chấp, đặt lên ngực trái. Tim tôi đập loạn. Trán tôi vã mồ hôi. Tôi nhắm mắt định thần, hình dung ra cảnh bày hạc tuyết quạt cánh khoan thai tìm về tổ lúc hoàng hôn. Tim tôi từ từ trở lại nhịp thường.

Khi tôi mở mắt ra, không còn thấy lửa tấp. Bầy dơi vẫn cầm lạng xếp hàng trên sà ngang. Chợt, từ khung cửa bên trái, một dáng người vệt màn bước ra. Từ này giờ, Đoàn bất động như hoá thạch, lúc này mới thốt khẽ:

- Có người kia anh.

Cụ ông mặc áo thụng đen, đầu đội mũ con theo kiểu Trung hoa, khuôn mặt ẩn trong bóng tối loè nhoè. Cụ bước lại điện thờ, vói tay lấy xuống chân nến, móc trong túi ra hộp diêm. Ánh lửa xoè lên soi một bên mặt ông. Đường chân mày trắng như cước, rậm rì vắt ngang vàng trán rộng. Gương mặt đầy những vết nhăn. Hoa môi hiện rõ trên gò má nhỏ.

Tự dưng tôi rùng mình một cái. Dáng dấp và diện mạo người đàn ông toát một hấp lực huyền bí, cuốn lấy thần trí tôi. Đoàn vẫn nín lặng theo dõi động tác của cụ ông. Ông đặt hai chân đèn trở lại chỗ cũ, mọp ngồi xếp bằng đối diện chúng tôi, giơ tay trái vạt áo phủ hai đầu gối, nụ cười điểm trên môi. Tôi và Đoàn bối rối xá chào ông.

Ông cất giọng điềm đạm:

- Có lẽ cô cậu tới đây lần đầu?

Tôi "dạ" nhỏ. Người đàn ông tiếp giọng:

- Tôi là người Minh Hương. Dòng họ tôi qua đây sinh sống đã lâu. Ngôi đền này là công trình xây cất của một nhóm Hoa kiều đầu tiên tới lập nghiệp tại đất Gia định này. Mới đầu chỉ là một cái am nhỏ thờ cúng tiền nhân, và cũng là chỗ nương tựa cho vong linh người khuất mặt. Rồi am phát triển dần. Chiến tranh chống Pháp kết thúc năm 1954. Dân chúng được yên ổn làm ăn. Người Hoa từ khắp nơi đổ về đây sinh sống càng lúc càng đông. Vùng này, hồi xưa toàn bùn lầy nước đọng, dần dần trở nên khang trang phồn thịnh. Đền rùa này cũng vậy.

Nói tới đó, ánh mắt cụ ông nhú lại dăm chiêu. Bên ngoài nắng lẹch, chiếu qua ô cửa, soi thành luồng sáng đầy bụi. Không biết Đoan nghĩ gì trong khoảnh khắc này, riêng lòng tôi vừa dấy lên điều màu nhiệm khó tả. Khung cảnh này, cụ già Minh Hương và câu chuyện vừa kể khơi dậy trong tôi một chút băng khuâng. Tôi nghĩ tới những thăng trầm lịch sử. Tôi ái ngại giúp số phận của những di dân. Tôi đặt nghi vấn về sự có mặt của chính tôi tại đất nước này, vào thời điểm này, và buổi hội ngộ kỳ lạ trưa nay với ông cụ tại đây.

Thần trí tôi còn đang phân vân thì đèn chủ đã khoan thai tra tay vào túi áo, xòe ra trước mắt tôi và Đoan hai đồng tiền kẽm. Chúng tôi xoe mắt ngắm. Cụ ông cố ý đưa tay vào chỗ nắng rọi. Hai đồng tiền đúc theo kiểu xưa, giữa khắc nổi một chữ Hán, viền quanh một bầy dơi nổi cánh.

Cụ ông giải thích:

- Lúc chúng tôi cho thợ đào đất xây hồ nuôi rùa, tình cờ tìm thấy mấy đồng tiền cổ. Chắc không phải tiền xu đâu, vì không thấy ghi giá và triều đại gì hết, mà chỉ khắc hình dơi và một chữ phúc. Đoán là điềm lành, nên tôi đặt làm thêm một mớ y như vậy để biếu khách vãng lai. Bữa nay thấy cô cậu tới viếng đền, ngó qua cử chỉ, tôi nhận ra lòng thành, nên xin tặng cô cậu mỗi người một đồng tiền, coi như lời chúc đại phúc.

Nói xong, cụ ông nở nụ cười nhẹ. Chúng tôi đón lấy món quà đẹp. Đoan cảm ơn lí nhí. Tôi xá ba cái cảm tạ lòng tốt của vị chủ đền. Người đàn ông đứng lên, vuốt lại sống áo, rồi quay lưng bước vào trong. Nội đền trở lại tĩnh lặng. Tôi và Đoan đưa mắt ngó nhau. Có lẽ Đoan cũng đang hồ nghi giống như tôi. Không biết mọi việc vừa xảy ra có thật hay chỉ là ảo giác? Hai ngọn nến vẫn cháy leo lét. Đồng tiền chữ phúc nằm rành rành trong lòng tay nắm. Tôi kéo tay

Đoan đứng dậy, cất tiếng:

- Thôi, mình đi!

*

Kỷ niệm trưa nào với Đoan trở về cùng tôi khuya nay, khi tôi dừng xe lại đầu ngõ nhà Nụ, chờ nghe lời từ giã. Nhưng không, Nụ đã nhỏ giọng hỏi:

- Nụ mời anh vào nhà uống với Nụ một tách cà-phê.

Tôi muốn hỏi, Nụ có biết, rủ rê như vậy là lộ liễu lắm không? Nhưng tôi không dám lên tiếng, sợ nàng chê tôi làm bộ làm tịch. Tôi không đáp, chỉ tắt máy, mở cửa bước ra. Chúng tôi sánh đôi bên nhau như hai con mèo giữa mùa tình ái. Như thế, cảm tình của Nụ dành cho tôi đã rõ. Còn tôi vẫn chưa xác định được vai trò mình trong đời sống nàng. Những tối ra hội quán chơi bi-da, tới giờ đóng cửa tôi vẫn sắm vai tài xế đưa Nụ về, không một dụng ý. Để đến tối nay, khi nghe Nụ ngỏ lời, tôi chợt thấy mình ngô nghê, loắt choắt như một con nhện đực thận trọng men theo sợi tơ tìm tới nhện cái. Xong xuôi phải nhớ dọt lẹ, cà rịch cà tang là có nước bị xơi tái.

Nhà Nụ ở tầng trên cùng trong một chung cư cũ. Thang máy chuyển động lịch xịch như được kéo bằng tay thời còn nô lệ. Từ này tới giờ, nhện đực ngậm tấm, nhện cái cũng tịnh khẩu. Chúng tôi là không gian và thời gian yên tĩnh tuyệt đối trước cơn địa chấn cấp chín. Thời tiết đang chuyển mùa rối loạn trong tôi. Tuyết chưa tan mà đã sang hè. Lá vừa rụng, ầy mà những nụ linh lan đã xờn xơ đâm chồi. Niết bàn nội tâm tôi chợt bốc lửa thành hoả ngục với đủ bộ tham sân si và lục dục thất tình. Ai muốn thành thánh, bỏ tất gì, kệ họ; còn tôi trong giây phút này chỉ muốn mình là một con ngạ quỷ. Tôi thầm kêu, thượng đế ơi, xin ban cho con đủ can đảm đóng trọn vai trò một con quỉ đêm nay.

Nụ đẩy tách cà-phê tới trước mặt tôi, vói tay bật máy cát-sét. Nhạc đang tới đoạn: *"...Nhưng ai bạc bẽo mình vẫn không đành lòng quên."* Người nữ ca sĩ láy đi láy lại lời than nảo nuột rồi chấm dứt bài hát. Tôi chặc lưỡi:

- Nhạc Việt nam nghe sao mà đoạn trường.

Rồi quay đầu nhìn quanh, hỏi:

- Nụ có cho phép anh hút thuốc?

- Người khác thì không, nhưng anh thì được.

Nói xong, Nụ đi lấy cho tôi cái đĩa con làm gạt tàn. Nhạc chuyển sang bài khác. *"Mưa khuya hắt hiu xuyên qua màn, tình đơn giá lạnh..."* Lại một khúc đoạn trường khác. Tôi rít một hơi sâu, thông thả nhả khói. Gương mặt Nụ mờ nhoà sau làn hơi đục. Nhất định là Nụ không đẹp. Còn tôi không phải là một gã háo sắc. Nhưng khuya nay, không biết chất xúc tác nào đã đẩy đưa tôi và Nụ phản ứng cùng nhau. Và động cơ nào đã bắt tôi hoài nghi về sự có mặt của thượng đế. Đáng yêu vô cùng bàn tay của đấng tạo hoá đã phân cảnh vỡ tuồng cho tôi gặp Nụ. Đào thương và kếp độc gân cổ song ca vọng cổ thì phải biết, mùi rệu. Tôi bật cười khan khi nghĩ tới cảnh mình sắp tử nạn sa trường, còn góc cổ nghêu ngao bài vọng cổ.

Nụ hỏi:

- Anh cười gì?

Tôi không biết nói láo:

- Anh vừa nghĩ tới thượng đế và mấy tuồng cải lương.

Nụ trợn mắt:

- Kỳ cục.

Tôi thều thào:

- Thượng đế bày chi những tấn tuồng thảm thương quá vậy.

- Điều dở.

Tôi trơ trẽn:

- Đã có người khen anh nói chuyện có duyên.

Nụ trúng đạn, á khẩu. Tôi giả giọng khiêm tốn:

- Riêng anh thấy mình vô duyên như ngỗng đực.

Nụ được dịp:

- Vô duyên cái túi không tiền, cái môi xám xịt, cái lưỡng quyền nhô cao.

- Lưỡng quyền cao là tướng sát phu, không phải tướng vô duyên. Vô duyên chưa nói đã cười, chưa đàn đã hát, chưa mời đã ăn.

Nụ khẳng định:

- Như vậy là Nụ cũng không phải tuýp người kém duyên. Còn thượng đế?

Tôi ngớ mặt:

- Ông trời tháng mười chưa cười đã tối, cũng khá vô duyên.

Nụ cười khúc khích:

- Nụ muốn hỏi, anh nghĩ gì về thượng đế?

Tôi dụi tắt điều thuốc, hớp ngụm nhỏ cà-phê, nhìn lên tám ảnh Đức Mẹ ẵm Chúa hài đồng lộng kính treo trên tường. Nét mặt Đức Mẹ thuần hậu. Nét mặt Chúa hài đồng rạng rỡ, ấm áp giao cảm. Nhưng mà thượng đế trong tôi lại vô tướng, nên tôi không biết phải hình dung như thế nào để thượng đế của mình có một chân diện thật sắc sảo. Tôi thật thà trở tay vào tim rồi lên đầu mình:

- Thượng đế ở trong tâm và trí anh.

- Người bình thường không thể hiểu nổi.

Tôi phát biểu ầu tả:

- Đâu có gì khó hiểu. Dùng tình và lý để làm lành tránh dữ, đạt tới trạng thái an nhiên tuyệt đối.

Nụ vắn vẹo:

- Như vậy là thượng đế đó hả?

Tôi khẳng định:

- Thượng đế là một trạng thái, không có hình tướng.

Nụ lắc đầu:

- Ý nghĩ anh cao siêu quá, vượt bức tường âm thanh, Nụ không hiểu.

- Làm sao giải thích được lý lẽ của trái tim.

Nụ cười trào nước mắt sống:

- Anh lắm lời.

Rồi nàng đứng dậy dọn tách đĩa. Nhạc chuyển sang một khúc đoạn trường khác: *"Đường vào tình yêu có trăm lần vui, có vạn lần buồn..."* Nụ vừa xả nước rửa tách, vừa rí rả hát theo: *"Đôi khi nhằm lỡ, đánh mất ân tình cũ..."* Tôi sà tới sau lưng Nụ, nhẹ tay đặt lên hai bên thắt lưng nàng. Người Nụ nẩy nhẹ. Đầu Nụ khẽ xoay nghiêng, cho tôi thoáng thấy màu mắt ửng hồng. Tôi thừa thắng xông lên, khép tay lại trước bụng Nụ, từ từ lấn lên. Ngực Nụ vừa tầm, mềm ấm kỳ lạ. Nụ thở hắt:

- Anh Trình... Coi chừng bể!

Tôi vội vàng rút tay về, ngo ngác:

- Cái gì bể?

- Máy cái tách.

Tôi cười nhẹ nhõm, ngả đầu xuống vai Nụ. Môi tôi cạ kề ngón cổ thon. Mồ hôi Nụ có màu mơ chín. Hương tóc Nụ có màu nắng Thái bình dương. Cảm xúc tôi là những đợt sóng sủi bọt, nhấp nhô xô vào bãi. Từng đợt lại dừng đợt bèn bãi. Bờ cát Nụ trải ra, chờ đợi. Cát và sóng không nói với nhau lời nào, cứ lặng lẽ như thế, lúc dịu dàng lúc vồ vập. Những mảnh gương ký ức loé sáng trong tôi. Khuôn mặt Đoan lung linh ẩn trong khuôn mặt Nụ. Bàn tay Nụ là bày rùa di động trên thân thể tôi. Những chiếc qui đầu vươn ra, sù sì, gân guốc. Những con mắt lừ đừ vô cảm ngó tôi chằm chằm. Những rãnh miệng mở hé, để lại những đường nhót mê hoan trên ngực tôi. Thịt da tôi mở ra một thửa đất rộng, đón nhận tất cả. Tôi trần trố như lòng đất trước cơn động kinh. Qua khe mắt, tôi lờ mờ nhìn ra khuôn mặt Nụ chập chờn như một bóng ma quá khứ.

Có phải Đoan đó không? Đoan đang trở về qua hiện thân Nụ. Tôi vùng dậy, gập người cắm cúi trên thân Nụ. Sợi dây chuyền móc đồng tiền chữ phúc rơi thõng trên ngực người con gái. Tôi dúm mặt vào tóc Nụ. Hai nhịp thở gấp rút. Tay Nụ bầu lầy vai tôi. Tôi hình dung ra những chiếc cầu vắt vẻo treo ngang những dòng sông đã trôi qua tiềm thức. Tôi muốn lấp kín những dòng cuồng lưu. Tôi muốn phá gãy những nhịp cầu nối kết. Tôi muốn mình mất trí nhớ, bình thản như một giọt sương chờ khô héo.

Nụ mân mê sợi dây chuyền quanh cổ tôi, run giọng:

- Anh có khinh Nụ không?

Tôi nghiêng mặt nhìn Nụ. Đèn đêm viền nửa mặt nàng, nhoà nét như tấm ảnh chụp run tay. Tôi hỏi lại:

- Tại sao?

- Vì Nụ và anh chưa là gì của nhau.

Tôi nói loanh quanh:

- Nụ là người tình, là bạn, là em gái của anh.

Nụ tha thiết:

- Đại huynh ơi, dù mai này có ra sao, cũng đừng quên tiểu muội!

Tôi xúc động, rúc mặt vào cổ Nụ, kêu tới tấp:

- Tình nương ơi, hiền muội ơi, xí-muội ơi...

Nụ nâng mặt tôi, ngắm nghía một chặp rồi vắn mũi tôi một cái:

- Hiền cái gì, dữ lắm đó!

- Không cần là được rồi.

- Cần chớ sao không.

Để chứng minh, Nụ vít đầu tôi xuống, ngoạm chặt vành tai tôi. Tôi phân bua:

- Tại sao không đeo băng "coi chừng người dữ", để khách phương xa đề phòng?

Nụ nhả tai tôi ra, cười lí nhí. Tay nàng lại tìm xuống cổ tôi, sờ soạng đồng tiền chữ phúc. Giọng Nụ nhẹ tênh:

- Kỹ vật gia đình, phải không anh?

Tôi đáp cho xong:

- Cửa má.

- Chạm hình gì vậy? Tối quá, Nụ không thấy.

- Chữ phúc và mấy con dơi.

- Sao lại có hình dơi trong đó?

- Đối với người Tàu, dơi là biểu tượng của phúc, hai chữ đọc giống nhau.

- Anh là Tàu lai à?

- Không.

- Tại sao lại đeo máy thứ này?

Tôi ngửa người ra giường, thở ra:

- Đã bảo là của má, má cho gì, đeo nấy.

Và đột nhiên, tôi cảm thấy mệt mỏi như quàng phải ngàn cánh dơi quanh cổ. Tôi xoay lưng, quần chần, tìm giấc ngủ. Nụ đặt tay lên vai tôi. Hơi thở nàng khoả ấm gáy tôi. Tôi với tay tắt chập đèn cạnh giường. Bóng tối ôm lấy thân thể tôi. Đêm trầm tư thien tịnh. Hai vòm mắt khép chợt mở ra cho tôi thấy lại cõi hồi ức lê thê trải ra một con đường sắt. Trí nhớ tôi là đoàn xe lửa sầm sập chạy hoài không mỏi, thỉnh thoảng ghé lại ga nhỏ, rồi rít còi, xậm xịt nhả khói, làm lì tách bến, lao mình vào chuyến phiêu lưu không một lời hứa hẹn. Đã lần nào tôi hứa với ai lời gì? Không, tất cả chỉ là những câu nói suông. Đừng tin vào lời hứa của quỷ. Tôi cứ thắc mắc tại sao mình không thể là một con rùa vô tư, miệt mài nghe trộm kinh mà thành Phật?

*

Đám bạn bi-da của tôi thường bàn với nhau, hội quán này xem chừng không thọ, vì tiền nhà cao, lại thừa khách. Một đứa đề nghị, đáng lẽ phải có thêm máy bấm tiền và trò bài bạc cho đỡ nhạt. Đứa khác táo bạo hơn, muốn thêm mấy em từ Ba-lan, Tiệp-khắc làm thành quán bia ôm cho rồi. Đa số độc thân ủng hộ ý kiến này. Tôi thì... sao cũng được.

Sau đó tôi kể lại cho Nụ nghe, nàng bấu môi:

- Đàn ông các anh là một bầy dê.

Tôi ngây thơ:

- Cả anh?

Mắt Nụ rời quyển sách, giọng hóm hỉnh:

- Anh là một con dê ngằm. Ánh mắt, nụ cười, điệu bộ, giọng nói và luôn cả ý nghĩ của anh sặc mùi... dương tính.

Tôi pha trò:

- Cà-ri dê là món ăn tăng cường sinh lực. Còn ngọc dương dê hàm thuốc bắc là một món độc đáo. Nhất dạ lục giao, sinh ngũ tử đó em! Nước Ân-độ đông dân vì vậy.

- Không ham. Nhất định chỗ này không thể trở thành quán bia ôm.

- Anh chỉ nói lên ý kiến của người khác.

- Còn ý anh?

- Miễn bàn.

- Anh là một người bốn phải.

- Hơi ít. Năm, sáu phải gì đó.

Nụ nguyệt:

- Anh nói chuyện nghe chán phèo.

Tôi mỉm cười lạc lõng:

- Lâu lâu em cũng nên cho các bạn anh thả dề, để đỡ chán.

Nụ gấp sách lại, thẹn thùng:

- Ai cấm. Nhưng anh nói, nghe kỳ.

- Chuyện tự nhiên, đâu có gì kỳ.

Tôi giằng lấy quyển sách trên tay Nụ, ngắm nghía. "*Xóm vắng*" của Quỳnh Dao. Tôi kêu thầm, trời ạ, lại thêm một hố thăm tư tưởng giữa tôi và Nụ. Tôi nhỏ nhẹ hỏi:

- Hay không?

Nụ chớp mắt:

- Cảm động dễ sợ.

Tôi bàn tới:

- Em nên đọc "*Anh em nhà Karamasow*" của Dostojewski và "*Ngàn cánh hạc*" của Kawabata.

Nụ thẳng thừng:

- Nghe như trùm điệp viên KGB và hiệu bán giày dép.

Tôi cảm thấy như chính mình bị xúc phạm:

- Hai văn hào của văn học quốc tế đó, đừng nói bậy!

- Còn Quỳnh Dao? Sách của bà ta được hàng triệu người đọc, bà nổi tiếng khắp châu Á, cũng là văn hào chứ bộ.

Tôi ghét hai chữ "chớ bộ" không biết học lóm ở đâu của Nụ, gân cổ lên:

- Tiểu thuyết của bà không có tư tưởng gì ráo.

- Có chứ, tư tưởng của đám đông.

Tôi giải thích vòng vo:

- Ý anh muốn nói, tư tưởng là quan niệm riêng về đời sống, chẳng hạn như hoài nghi của Dostojewski về thượng đế và thiện, ác. Đám đông làm gì có tư tưởng.

Nụ cãi:

- Viết để làm đẹp cuộc đời. Ai ở hiền sẽ gặp lành. Kẻ nào gieo gió sẽ gặt bão. Không là tư tưởng chứ là gì?

Tôi đuối hơi:

- Tư tưởng có nhiều loại, giống như hạng ghế trong rạp hát.

Nụ giật lại quyển sách, cất vào học, hất mặt:

- Anh đọc cái gì, kệ anh. Còn Nụ đọc những thứ Nụ thích. Thượng đế của anh ở đâu, kệ anh. Còn thượng đế của Nụ ở trên trời. Đừng có lộn xộn!

Tay tôi nâng cằm, mắt tôi nhìn Nụ ngoe nguẩy thu dọn trong xó bếp, không nói tiếp lời nào. Cứ mỗi lần nhắc tới thượng đế là tôi lại thấy một lần ranh cắt chia giữa tôi và Nụ. Tôi đâu phải là người cố chấp. Quan niệm của tôi về đức tin phóng khoáng, cởi mở và đơn giản lắm mà. Thượng đế của tôi vô hình tướng. Chỉ vì mê chấp mà loài người thấy ra những thượng đế và tôn giáo khác nhau.

Đã có lần tôi giảng đạo cho Nụ: "Cũng một vật, tại sao lại có nhiều tên gọi không giống nhau? Tôn giáo cũng vậy. Ông Phật, ông Chúa, ông Allah, ông Schiwa thật ra chỉ là một mà thôi." Nụ không đồng ý: "Là một sao được? Ông Phật là người Ấn-độ, Chúa xuống thế ở Do thái, còn ông Allah ra đời ở Trung đông. Họ hoàn toàn không có bà con gì với nhau. Nói tầm bậy." Tôi cố vớt vát: "Họ là biểu tượng cho mỗi giáo phái, mà biểu tượng là do con người đặt ra, còn cứu cánh cuối cùng đâu có gì khác. Thiên Chúa ngự trong lòng mình. Phật tánh tại tâm. Đừng tìm đâu xa, thêm mệt." Nụ ngoan cổ: "Ông Phật và ông Chúa là hai người. Một ông Ấn-độ da ngăm, một ông Do thái da trắng, là một chỗ nào?" Tôi kêu lên: "Em bị bệnh nặng, hết thuốc chữa." Nụ không vừa: "Còn anh cứng đầu cứng cổ, ba hoa chích choè, sẽ có ngày đền tội"... Lần đó chúng tôi giận nhau hết một tuần. Tối thứ sáu, thấy vắng mặt tôi tại hội quán, có người gọi điện về nhà hỏi han. Tôi viện cớ phải tiếp bạn từ xa đến chơi, không đi được. Nhưng tôi chỉ nằm nhà chịu đựng được một tuần. Đời sống nơi đây buồn chán quá. Đêm tới, ngày đi, lặng lẽ thay phiên. Phần tôi cứ mãi tưởng nhớ tới những bóng ma quá khứ. Và tôi nhất định quên Đoan, cũng như cố gắng xua đuổi hình ảnh lũ rùa góm ghiếc dấy loạn tâm tôi bấy lâu.

Một hôm, tôi tháo đồng tiền chữ phúc, cất vào hộp. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm như có luồng khí huyền thoại vừa tuôn ra từ những khe hở ký ức. Tôi run rẩy nhận diện tội phạm. Chính tôi, chính là tôi chứ không ai khác. Bao lâu nay, tôi đã đánh mất hiện tại mà không hay biết.

Giọng hát ai khàn khàn cất lên, nhại theo bài "*Trên bốn vùng chiến thuật*":

- *Tôi thường đi đá đêm, một đêm ba bốn bận, ghen đầy hai con mắt ứ...*

Nụ bụm miệng cười. Tôi run đùi đác chí. Nụ lảm bảm:

- Vô duyên.

Tôi chống chế giùm người đang ca Karaoke:

- Có duyên đó chứ.

Nụ cau có:

- Sao anh ưa cãi ngược quá vậy?

Tôi hạ giọng:

- Đâu có.

- Lại cãi.

Tôi phân trần:

- Đàn bà con gái, người nào cũng dữ hết. Kể dữ ra mặt, người dữ ngầm. Dữ quá xá quà xa.

Nụ nghinh mặt, định nói điều gì nhưng ngăn lại kịp. lát sau nàng nói nhỏ nhỏ:

- Đàn bà con gái chúng em là những con rắn.

- Con rắn trong thánh kinh, chứ không phải con rắn trong lý thuyết của Freud.

- Ai vậy? Lý thuyết gì vậy?

Tôi xẵng giọng:

- Bạn học, chết rồi. Lý thuyết tâm thần nhảm nhí.

Nói giỡn chút xíu, vậy mà lúc tôi đưa Nụ về nhà, nàng rụt rè lên tiếng:

- Tôi nghiệp cho người bạn của anh, tại sao chết vậy?

Tôi ngẩn ngơ:

- Hả? Bạn nào chết?

Nụ hàm hè:

- Thì cái người với lý thuyết con rắn đó.

Tôi suýt phì cười, thờ khi:

- Ờ, ông Freud. Thì tới tuổi, già chết chớ sao.

- Anh cũng có bạn già nữa à?

Tôi gật gù:

- Bạn vong niên.

Nụ xoắn lấy cổ tay tôi, mềm giọng:

- Còn anh là bạn đời của Nụ.

Người tôi xúc động nổi gai. Tôi im lặng dành một phút mặc niệm về những liên hệ đã được tôi an táng xong xuôi. Cảm giác ấm áp của Nụ truyền sang tay tôi, bắt tôi bắt chợt rưng rưng nước mắt. Cuộc tử biệt nào cũng đau lòng. Bút lià nào cũng xót xa. Tôi giờ tay bật máy cát-sét. Giọng hát cất lên ray rứt: "*Còn gì nữa, tuổi vàng qua mắt rồi...*" Tôi phân vân tự hỏi, không lẽ Nụ là trạm dừng chân của đời tôi?

*

Một hôm tới thăm Nụ, tôi thấy nàng ngồi rưng rưng nước mắt bên bàn ăn, tay cầm lá thư. Tôi tới cạnh, mềm giọng hỏi:

- Nhận được tin buồn, hả Nụ?

Nụ gật đầu, lặng lẽ lau nước mắt. Tôi chân thành:

- Đời người, ai cũng một lần, cho anh chia buồn cùng em. Ai chết vậy?

Nụ sững mắt, ngó tôi gườm gườm:

-Có ai chết đâu!

Tôi chưng hửng:

- Vậy sao khóc?

Nụ đưa cho tôi lá thư. Tôi liếc mắt, thấy chữ chi chít, không muốn đọc.

- Thư ai vậy? Chuyện gì, kể anh nghe!

Nụ thăm nảo:

- Thư chị Hạnh, chị em bà con với em. Chị biên thư báo, sẽ bị về nước vào tháng tới.

- Hết hợp đồng làm việc, phải về nước là đúng rồi, sao em khóc?

- Chị không thích về, muốn được ở lại, đi làm giúp gia đình. Đọc thư chị than thở, em mũi lòng.

- Chị không xin gia hạn hợp đồng được à?

- Nếu được, đã không có chuyện để nói. Hăng chị bị sập tiệm, sa thải toàn thể nhân công. Chỉ còn một cách để được ở lại, nhanh và bảo đảm, là có người lưu trú hợp pháp tại đây kết hôn cùng chị.

Tôi nhún vai nhủ thầm, sức người có hạn, không giúp gì được. Vậy mà đêm đó, nằm cạnh nhau, Nụ thủ thỉ:

- Em có đề nghị này, nghe xong anh đừng mắng, em mới nói.

Tôi xoay người, quàng tay ôm Nụ, không nói. Im lặng là đồng ý. Nụ cũng lặng lẽ đổi lâu. Tôi cảm nhận nhịp tim nàng đập nhẹ dưới lòng tay úp. Thịt da Nụ ấm mịn như lá non ngậm nắng mới. Tôi nghe tiếng thời gian cựa mình theo mạch máu luân lưu trong thân thể chúng tôi. Có những hình bóng đã qua đời cũng như vừa được khai sinh trong tôi. Dù thể nào đi nữa, cũng là những mát mát. Chiến sĩ xông pha trận mạc tình ái về lại quê quán, ngỡ ngàng như Từ Thức hồi hương. Tất cả đã khác. Cả lòng mình cũng bầm dập thương tích.

Nụ thở ra, nói mau như sợ đổi ý:

- Anh làm giấy cưới chị Hạnh được không?

Tay tôi chết trơ trên ngực Nụ. Tôi rút vội tay về, cứng lưỡi hồi lâu mới lắp bắp:

- Đừng... đừng giỡn... chứ em!

- Em thật lòng, không giỡn.

Tôi bắt đầu văn hoa tiểu thuyết:

- Anh không phải là món đồ chơi của mấy bà.

Nụ chặc lưỡi:

- Ai nói vậy bao giờ?

- Chuyện tình cảm không giống trò bài bạc mà em đòi "bán cái".

Nụ cười rinh rích. Tôi ca thêm:

- Em không sợ anh "*có đó quên đấng, có trắng quên đèn*" sao? Đàn ông ai lại chẳng ham chuyện "*hoa thơm ngắt cả cụm*"?

Nụ ngồi dậy, vói tay bật chụp đèn đêm, thất mười ngón quanh cổ tôi, rít:

- Chuyện sống chết của chị Hạnh và của... em, không được đùa!

Tôi ảm ứ:

- Đừng bóp cổ chứ em!

Nụ nói tay. Nàng dặng chân ngồi lên người tôi. Đèn đêm soi mờ gương mặt không điểm trang, vàng tái như tấm bột bánh chưa nướng. Khoảng cách giữa tôi và Nụ thật gần mà cũng thật xa. Bỗng dưng tôi mơ hồ cảm nhận, sờ mó được cái chết. Nụ cúi mặt, thì thầm lời thương yêu vào tai tôi. Mắt tôi chói loà vòng sáng kỳ lạ. Tai tôi bắt được những ngôn ngữ gãy vụn. Quanh tôi lúc này, tất cả hoá thành tàn tật. Tôi là gã phế binh độc nhất sống còn sau trận chiến tan máu với bầy nữ yêu tình ái. Họ cứ đeo bám dần vặt tôi, lâu lâu còn đem quân lấn sang cứ địa độc thân có tôi miệt mài trấn thủ. Từ ngày thất trận với Đoan, tôi treo gương lên vách, thề thốt với bóng mình, sẽ không bao giờ dại dột "rơi vào tình yêu" lần nữa. Con ong đã rứt vôi, quyết tâm tu tĩn, chỉ uống sương chứ không thèm hút nhụy. Vậy mà trời đất dun rũi khiến tôi gặp Nụ. Nàng đã khuấy động dòng nước tình cảm lênh láng trong tôi. Nàng xách nhiều đục tính tôi, và gôm sạch bóng Đoan trong tâm tưởng tôi. Hôm nay, nàng còn vọc nước giỡn trăng, đề nghị tôi làm chuyện táo bạo.

Tôi gật đầu lia lịa:

- Anh chịu.

Nụ nhíu mày:

- Chịu cái gì?

Tôi cố làm mặt tỉnh:

- Chịu làm hôn thú giả với chị Hạnh.

Nét mặt Nụ trở nên khờ khạo khó tả. Giọng nàng hơi lạc:

- Chịu thật à?

- Thật! Ừ, không phải, chịu... giả.

Nụ không cười, làm bằm:

- Mới nói chút xíu, đã chịu rồi sao?

- Anh là người dễ dạy.

Nụ ngả người nằm xuống, tắt đèn. Tôi bụm miệng cười lén. Nụ trăn trở một lát, rồi xoay lưng, úp đầu vào vai tôi. Tôi phả hơi thở vào tóc nàng. Hương thuốc gộì hoà với mùi mồ hôi ngọt sắc. Tôi thều thào:

- Kể chuyện chị Hạnh cho anh nghe đi!

Tôi nghe tiếng Nụ thở dài. Nổi sầu nào không tên hé vợi cánh cửa cho tôi lách vào, đứng đậy một mình trong cõi thên thang của không gian xanh khói. Tôi muốn ám thích quá khứ. Chính hấn, kẻ đã theo dõi tôi bao nhiêu năm nay, như rình bắt gian phi. Tôi đã phạm tội, đã hãm hại ai, khi nào và tại sao? Tôi khép lại những niềm vui tạm, vội trở về cùng những hoang mang không thể giải thích. Tôi thấy mình tầm thường như một người chồng ngoại tình, dối vợ vụng trộm với một người không xứng đáng. Nụ có "môn đăng hộ đối" với tôi không? Trời, cái gì nàng cũng khác tôi,

từ tôn giáo, giai cấp cho tới những sở thích vụn vặt. Chúng tôi, như mặt trăng và địa cầu vô tình "giao thoa" trong hành trình thái dương hệ, nhưng suốt đời vẫn xoay quanh quỹ đạo riêng mình. Tôi rưng rưng chạnh nghĩ tới cánh dơi ngậm đồng tiền chữ phúc ngày xa xưa ấy. Tay tôi ngập ngừng luồn vào tóc Nụ. Giọng Nụ trầm trầm:

- Gia đình Nụ di cư vào Nam năm 1954. Nụ được sinh ra ở Sài Gòn, nên chỉ biết về Hà Nội qua chuyện kể của bố mẹ, và nhiều hơn hết, của chị Hạnh. Chị là con cả của bác gái Nụ, chị của mẹ. Chị thương Nụ lắm, mỗi lần tới thăm thường dắt Nụ đi vườn thú, ăn kem hay chơi phố. Chị kể chuyện quê Bắc nghe hay lắm. Chị bảo nhớ mùa thu Hà Nội, nhớ ánh trăng rơi trên đường Cổ Ngư, nhớ hương hoa sữa ngát ngây bên hồ Thiên Quang, nhớ cốm vòng, nhớ chuối trứng cuốc, nhớ hồng ngâm ngày Tết, nhớ na, nhớ ơ là nhớ. Cho tới bây giờ trí Nụ vẫn đậm nét cảnh hồ Hoàn Kiếm và tháp Rùa trong mưa qua chuyện kể của chị. Tỉnh thoảng trong mơ, Nụ thấy lại tượng Rùa ngậm bảo kiếm nhạ nhòa trong mưa phùn xứ Bắc, thơ mộng và cổ kính ghê!

Tôi nẩy người, những ngón tay khựng lại bối rối trong tóc Nụ. Điềm gì đây? Tại sao có chuyện trùng hợp kỳ lạ này? Chưa lần nào tôi kể Nụ nghe về Đoàn cũng như về những ám ảnh quái quái kia. Tôi tự cho mình đã tới bến, vất vũ khí xuống dòng sông cũ, thẳng lưng bước một mạch, không ngoái lại. Kinh Kha hề, đầu đội trời, chân đạp...

Nụ ngậm ngùi buông tiếng:

- Tội nghiệp, nhà chị nghèo.

Tôi hít một hơi sâu, chép miệng:

- Anh không làm chuyện đó được.

Nụ áp má lên ngực tôi:

- Nụ đùa đó mà.

- Đúng là con cháu bà Triệu Ẩu, chuyên môn nói... ầu.

Nụ tha thiết:

- Nụ muốn nói thật với anh vồn vện ba tiếng.

Tôi phì cười, cao giọng:

- Ngộ ái nị?

Nụ cạp cằm tôi, rít:

- Anh ranh mãnh như một con sóc.

- Ngộ ái nị mà nị không ái ngộ, ngộ ái đại.

Nụ trách:

- Có bao giờ anh nói với Nụ ba tiếng đó, dù chỉ là tiếng Tàu.

Người tôi mềm nhũn. Tôi quay mặt, soi mắt vào bóng tối bủa quanh. Tiểu thuyết gọi đó là "bóng đêm đồng loã", tiếp tay cho tội ác và tình yêu vụng trộm. Tôi mang tội tà trời vì đã lạm dụng bừa bãi thứ tình yêu... xí được. Chưa lần nào tôi nói lời yêu thương cùng Nụ. Tôi nhận mười, chỉ cho một, hai. Lễ bắt công này, trời hỡi, tôi nào muốn. Nếu có một ngày Nụ thừa tôi ra toà vì tội lường gạt ái tình, tôi sẽ quì xuống biện hộ rằng, tôi hoàn toàn vô tội, tôi chỉ là nạn nhân của định mệnh oái oăm.

- Đôi lúc Nụ có cảm tưởng, anh là kẻ sở khanh.

Nụ nói như kết án. Tôi lý luận:

- Sở khanh là người dụ dỗ rồi bỏ, còn anh là người bị dụ và chưa bỏ ai.

Nụ nghiêng rặng vào bả vai tôi. Tôi kêu "ái", xô Nụ ra. Nụ cười khúc khích trên lưng tôi. *"Tôi mang cho em một bó quần, quần thom hay môi em thom. Tôi mang cho em một chút tình, miệng cười khúc khích trên lưng."*

- Chúa xui khiến cho anh gặp em.

Nụ phán một câu làm tôi cụt hứng. Tôi hầm hừ:

- Chúa không có thì giờ làm mấy chuyện bá láp này. Em đem Chúa ra nói trong phòng the, phải tội.

Nụ im re. Tôi giảng giáo lý thêm vài câu, rồi quán chẵn đồ giắc. Nụ lăm bắm máng tôi "kỳ thị tôn giáo", "vô thần", "chờ tới ngày phán xét sẽ đền tội"... rồi quay lưng, im tiếng. Tôi nằm nhắm mắt để đó. Hai mắt tôi trần tráo trong đêm đen không đáy. Hoài niệm tôi toang hoác miệng vực, sâu hoắm một lỗ xuyên ngang địa cầu. Trí tưởng tôi là chiếc siêu vệ tinh bay vèo từ vũ trụ này sang vũ trụ khác, dễ như chơi. Tôi bút lia thời gian và không gian, thoát ra ngoài những ràng buộc vật lý. Hấp lực nhân sinh trở thành vô nghĩa. Luân lý chỉ là những mảnh vụn bánh mì, phủi một cái, cho vào thùng rác. Còn đạo đức được nhắc tới như những giọt sương lấm bụi môi sinh, bốc hơi và để lại vết nhơ trên lá. Còn tôi là cái gì? Tôi tự cho mình là một hạt cát vô danh như muôn trùng hạt cát khác ngoài bãi rộng. Hạt cát tôi tình cờ sa vào guồng máy trơn mỡ của Nụ, cản trở chút chơi.

*

Hội quán bi-da chỗ tôi thường lui tới, có nhiều quái tăng. Có người bộ dáng như con gà nuốt dây thun, tới ngồi một đống, lâu lâu ghi tên hát Karaoke một bài nhạc tình nhều nhão, uống vài chai bia rồi chuệnh choạng bỏ về. Có người tới để cá độ bi-da, chuyên môn thua, vẫn không chừa. Có người tới chỉ để tâm sự. Có người sở trường tọc mạch đời tư thiên hạ.

Tối nay, hội quán tiếp đón thêm một quái tăng. Tôi thấy mặt anh ta lần đầu. Anh nhếch cười chào mọi người, tới ngồi gần chỗ chúng tôi. Tôi bắt được mùi xào nấu toát ra từ người đàn ông. Lại thêm một đầu bếp nhà hàng, tôi nhủ thầm, lén đưa mắt ngắm. Người anh ta mỏng như cá khô, tóc húi ngắn gần như trọc, râu cằm thưa chòm, tay chân lêu khêu. Mấy nhân vật cái bang trong truyện chường Kim Dung

chắc không hơn người này. Không biết anh ta tu tập võ công ở đâu, môn phái nào, bao lâu mà khô hết thể kia? Bàn tay năm ngón xương xẩu ấy, lúc tung chưởng, chắc có nước đập ngực, hộc máu. Tôi phì cười vì những tưởng tượng tầm xàm.

Một đứa ra lệnh:

- Trình, gọi Nụ ra đây cho tụi mình đặt nước cá độ!

Tôi gất:

- Tại sao cứ phải tao?

Đứa khác nham nhở:

- Chỉ có mày gọi, Nụ mới ra. Chỉ có mày dí củ cà-rốt vào cửa hang, thỏ mới lộ diện.

Cả lũ bật cười khoái trá. Một đứa lớn giọng:

- Bằng trái ớt chỉ thiên đã là may.

Tôi nhún vai, phớt tỉnh. Chỉ có thể mới thoát nạn. Tôi lên tiếng hỏi lũ bạn uống gì để vào gọi. Còn đang nhấp nhồm vì sắp sửa tới lượt chơi thì người đàn ông cá khô đã nhỏ nhẹ cất lời:

- Khi nào anh vào trong, cho tôi nhờ một việc.

Tôi mau mắn:

- Anh muốn uống gì?

- Không, không phải để gọi nước, tôi nhờ anh nhắn với Nụ đôi lời.

Tôi chau mày nhìn thẳng vào mặt người lạ. Cả bọn đang lêu láo bông đùa, cũng im lặng đưa mắt nhìn nhau dò hỏi. Người đàn ông nhếch cười:

- Tôi muốn dành cho Nụ một ngạc nhiên đó mà. Anh nói với Nụ, có người tên Đãng gọi lời hỏi thăm.

Nói xong, anh ta đứng dậy, gật đầu chào mọi người, bỏ đi một mạch. Cả bọn ngỡ ngác nhìn nhau, lao xao bàn tán:

- Đúng là quái chiêu.

- Ma cà rồng đội mồ sống dậy, tìm Nụ xin tí huyết.

- May là hần chưa biết chuyện ghêu sò ốc hến giữa Nụ và thằng Trình nhà mình.

- Nếu không, chắc chắn có màn đánh ghen, xé quần áo vũ xéch-xy, coi không tốn tiền.

Tôi tổ:

- Tụi mày nhiều lời, lát nữa tao đết kể lại cho nghe!

Cả lũ nín khe. Nói rồi, tôi hiên ngang đi vào phòng trong. Chỉ có vài người ngồi trong góc quán đèn mờ, rên rỉ khúc hát Karaoke: *"Tôi xin người cứ gian dối, nhưng xin người đừng lia xa tôi..."* Tôi làu bàu, lời ca gì mà ngốc nghếch vô lý. Nụ ngồi sau quầy, tươi tắn ngược lên. Gọi nước xong, tôi buông câu thòng:

- Có người tên Đăng tới hỏi thăm em.

Nụ sừng mặt, toan chạy ra thì tôi đã cản lại:

- Đi rồi.

Nụ chặn tay lên ngực, vỗ đập:

- Lâu chưa? Sao không cho em biết ngay?

Tôi điềm nhiên:

- Anh ta có về chưa muốn gặp em. Ai vậy?

Nụ thở dài:

- Nụ sẽ kể anh nghe sau. Trời ơi, sao Đăng biết em ở đây? Không muốn gặp, tới làm gì?

Tôi đặt tay lên vai Nụ:

- Bình tĩnh lại, anh ta đâu còn ở đây mà em rối lên như vậy.

Vài người khách quay lại nhìn chúng tôi. Nhạc đã dứt từ lâu. Có người lên tiếng nhắc đổi bài. Nụ loay hoay thay đĩa. Tôi trở ra với đám bạn, tiếp tục cuộc chơi dở dang mà tâm trí vảng vất nơi đâu. Chuyện tôi và Nụ không đơn giản như tôi nghĩ. Dĩ vãng Nụ hình như cũng có vài gút mắc.

Khi Nụ mang nước ra cho chúng tôi, tôi để ý thấy màu mặt nàng hơi tái. Hay vì tôi tưởng tượng quá đà? Nụ không nhìn tôi, chỉ đối đáp nhát gừng trước vài lời chọc ghẹo vu vơ.

Tới giờ đóng cửa, tôi chờ Nụ về như thường lệ. Đến nhà, tôi hỏi:

- Nụ có muốn anh ở lại đêm nay?

Nụ lưỡng lự vài giây rồi khẽ lắc đầu, nhưng không xuống xe. Tôi xin phép Nụ châm một điếu thuốc, kéo kính xuống. Hương đêm trong lành hoà cùng hơi thuốc lá ngọt nồng. Mặt đất hốt nhiên hoang vu tĩnh lặng như phút giây trước cơn biến thiên kinh hồn. Giờ phán xét đã điểm. Tôi là kẻ đứng ngoài trận nội chiến tanh hôi trong lòng Nụ, bình thản phì phèo thuốc lá, chờ nghe địch thú tội. Hỡi thiếu phụ gian dối kia ơi, hãy khai cho rõ, bằng không đừng trách ta độc ác!

Nụ bắt đầu tự khai:

- Không ngờ Đăng tìm tới đây... Nụ hoàn toàn có lỗi trong chuyện này. Em là con đàn bà vô luân, anh biết không? Em và Đăng sống với nhau không hôn thú một khoảng thời gian dài. Lúc đầu em yêu Đăng lắm chứ, nhưng càng lúc em càng thấy anh ấy có những bản tính không thích hợp. Tâm lý Đăng yếu đuối, ù lì, thụ động quá. Em không thích mẫu đàn ông khép mình trước hoàn cảnh. Thất nghiệp thì đi tìm. Không làm được việc này thì việc khác. Đăng không vậy. Anh tuyệt vọng rồi đâm nghiện rượu và cờ bạc. Khó xử nhất là tính ít nói của anh ấy. Hỏi thì trả lời lừng khừng. Hạch sách thì bỏ đi. Cuối cùng chỉ mình em giải quyết những khó khăn vật chất. Cho tới lúc... lúc... em lỡ... mang thai.

Tới đó, Nụ khựng lời, mở xác tay lấy khăn chấm nước mắt. Tôi dụi điếu thuốc sắp tàn. Cả tối tôi hút hơi nhiều, cổ họng nhám rát. Nụ chậm rãi tiếp lời:

- Nụ không... không muốn giữ đứa bé, nhất là khi bác sĩ cho hay nó sẽ bị chứng si ngốc. Nhưng bỏ không đành, Đăng cũng không muốn. Có lẽ vì vậy mà giữa em và đứa con chào đời sau này có một ngăn cách tâm sinh lý. Em khép mình vào hoàn cảnh cho tới khi thằng bé lên bốn, mới bỏ đi...

Nụ nấc lên, mắt mũi ràn rụa. Tôi tìm tay nàng, siết chặt. Nụ than van:

- Em là một người mẹ tồi tệ, đáng bị ném đá, lăng trì, anh biết không?

Tôi không biết phải an ủi Nụ thế nào. Nụ tệ thật. Nhưng nàng đáng trách và đáng thương cùng lúc. Cả gã quái tăng tên Đăng và đứa trẻ với chứng bệnh si ngốc kia nữa. Tôi than thầm, trời ơi, cuộc đời là bể khổ, con người ngập lặn trong vô lượng trầm luân mà không hay. Cái ngã của chính tôi và của những tha nhân chỉ là muôn trùng bụi bặm lang thang trong vòng nhân sinh vô biên. Tôi lầm nhảm so sánh tội lỗi của Nụ và của mình. Tôi mang tội bất hiếu, xa nhà, không báo đáp ơn sinh dưỡng của mẹ cha. Tôi mang tội vô ơn, xa tổ quốc, không làm nên tích sự gì cho đất nước. Tôi còn có tội với nhiều người, vì không thể đáp ứng những tình cảm lớn nhỏ mà họ đã dành cho tôi. Tội của tôi đong đầy thúng, Chúa hay Phật biết được, chắc phải lắc đầu ngao ngán. Thế nên, trong khoảng khắc này, tôi cảm thấy đồng điệu với Nụ hơn bao giờ hết.

Tôi ngọt giọng:

- Nếu em muốn, anh sẽ chở em đi thăm con.

Nụ vẫn nghẹn ngào:

- Không biết Đăng có còn ở chỗ cũ.

- Thế nào anh ấy cũng trở lại tìm em.

- Em có linh cảm, Đăng tới để báo tin chẳng lành.

Rồi Nụ rú khế:

- Chúa ơi, không lẽ...

Tôi vỗ vai nàng, ngắt lời:

- Không đâu, chắc không có gì đâu. Đừng nghĩ nhảm!

Nụ nghiêng người, ngã đầu vào tay tôi, bờ vai run run. Tôi áp mặt xuống tóc Nụ. Vẫn hương thơm gần gũi. Tôi khép mắt, thấy ra cánh đồng lúa mì vàng rợp trong nắng gió. Có người con gái đạp xe trên đường đất, một tay vịn vành nón rơm. Tóc vàng phát phới. Tôi ngồi trong chuyến xe đồ liên tỉnh có máy điều hoà không khí, cửa kính im ỉm, trông ra, tưởng như đang xem một cảnh phim. Bóng tối lập lờ theo luồng sáng phát ra từ phòng chiếu. Máy lạnh khiến chúng tôi càng nép sát nhau hơn. Tôi tìm tay nàng, đan lại, nghe hơi thở mình hao hụt đứt quãng. Tôi là người thợ lặn mò tìm trên châu. Thịt da bào ngư mềm mại dưới ngón tay tôi mọ mẫm. Hàm răng san hô sáng ngời, hé đợi môi kề. Tôi thấy mình tan biến vào đại dương cảm xúc bao la. Nắng soi mảnh nhấp nhô theo sóng. Người con gái tóc vàng vẫn một tay vịn vành nón rơm, đạp thong thả trên lối hẹp giữa cánh đồng lúa vàng ngút ngàn. Con đường như vết dao rạch ngọt, không kịp tươm máu. Dòng sông nào đã hút hết tinh túy địa cầu, để mặt đất bị thương, chẻ thành ngàn lối vô hướng.

Nụ ngẩng đầu, vuốt lại nếp áo nhăn vì tay tôi tham lam. Người thợ lặn trôi lên mặt nước. Đôi tay trống không. Chẳng bào ngư, cũng không san hô hay ngọc trai ngọc gái gì ráo, chỉ một mớ thực tại rối nùi như những bài tình ca không tên. Tôi ngân nga:

- *"Nòng" người như chiếc "ná", xoáy xoay trong hôn, nhiều con "nóc" cuốn...*

Nụ gất:

- Người ta đang rầu rĩ gần chết, còn đùa.

- Chuyện đâu còn đó, em có khóc tới khô nước, cũng không giải quyết được gì.

- Ít ra cũng được... cái buồn.

- Trời đất.

- Buồn để ngấm lại những gì mình đã làm, để hồi hương chuộc tội.

Tôi xuýt xoa:

- Thôi, cho anh xin, đừng giảng đạo trong lúc này.

Nụ hứ:

- Ai thèm.

Tôi cười khì:

- Không thèm thì thôi, về đây!

Nói xong, tôi ngồi chờ câu hỏi ngờ ngẩn của Nụ: "Về thật à?", để làm nũng. Ngờ đâu, Nụ không nói lời nào, lẳng lẳng cặp xác tay, mở cửa bước ra, đóng xập lại. Nụ và bóng nghiêng lệch bên hè phố chênh vênh sáng tối. Thần trí tôi cũng lao chao, lẫn lộn ngày và đêm. Tôi biết, khuya nay tôi lại co mình rã rượi trong dòng hồi tưởng lũ lụt vào mùa nước lớn.

*

Tôi là một người bất hạnh trong chuyện tình cảm, lại mang nhiều bản tính mâu thuẫn. Trong khi Nụ tự nhận nàng là người "cà giựt", thì tôi ngấm ngấm cho mình vướng phải "hội chứng Peter Pan". Thuật cho Nụ nghe, nàng cười cợt, bảo tôi: "Già mà còn dê, người ta gọi là già dịch". Oan thay, tôi chưa thả dê tán tỉnh ai bao giờ. Ngược lại thì có, thành ra tôi kệnh kiệu như một mụ thứ phi có nhan sắc giữa đám cung nữ quê mùa thô kệch. Đã có lần Nụ tự xưng là bà vua, gọi tôi là "cung nam" của nàng. Tôi chịu liền, bèn thỏ thẻ:

- Đời nay ai gọi là bà vua, mà là vua gái.

Nụ phì cười:

- Chữ gái gần với cái, nói ln nghe mất giá.

Tôi bênh vực:

- Vua cái, cung đực và một bày thái giám, có sao đâu?

Nụ phán:

- Đừng hỡn, mang tội khi quân, mất đầu bây giờ!

Tôi xì xụp:

- Muôn tâu bà vua, bà tha cho ... em.

Nụ sửa:

- Không được xưng em, mà phải xưng là ái nam.

Tôi kêu lên:

- Trời đất, nghe như người đồng bóng. Bà vua ơi, đừng gọi thế, mất hứng!

- Ái, sao dám hứng với vua?

Cung nam nũng nịu:

- Chớ nói làm sao? Vua gì khó quá, người ta chịu gì nổi.

Nụ cười ngặt nghẽo, vít đầu cung nam xuống, hăm he hài tội. Cung nam không sợ, nhõng nhẽo:

- Bà vua muốn để cho người ta tìm... chám G không?

Bà vua ngơ ngác:

- Chám gì?

Tôi kéo đầu Nụ, thì thảm vào tai, như sợ các tĩnh vật nghe được. Nụ đắm tới tấp vào ba sườn tôi, nghiêng răng:

- Láo thật! Hay để ta tìm cho người!

- Ái nam chỉ có chám D, vạch ra, thấy liền, khỏi tìm.

Đó là chuyện cũ, giờ đây tôi và Nụ đang ở trong tình huống khó xử. Nụ và quái tăng Đăng. Tôi và những uẩn khúc nội tâm của quá khứ chưa lành và của hoàn cảnh chung quanh. Rồi, vào một tối, chuyện gì tới phải tới. Quái tăng tên Đăng trở lại tìm Nụ. Không biết hai người nói gì với nhau mà tôi, đang lơ đãng thụt bi-da phòng ngoài, chợt nghe tiếng Nụ hét thất thanh. Tiếp theo là âm thanh vỡ vụn của thủy tinh va vào tường. Một lũ ụa vào. Tôi thấy Nụ đứng run lẩy bẩy bên quày nước, mặt thất thần. Vài người vây quanh, ngơ ngác nhìn nhau. Có người giúp nàng, lo thu dọn những mảnh ly vỡ trên thảm. Đăng vẫn bình tĩnh ngồi hút thuốc bên bàn con. Tôi tới cạnh Nụ, giơ tay toan vuốt vai nàng, tìm lời trấn an thì nàng đã hất mạnh tay tôi ra, mắt long lên như hai hòn than đỏ, kèm theo tiếng gầm gừ:

- Đừng tới gần tôi!

Tôi nhỏ nhẹ:

- Có gì thì nói, không nên đập phá!

Nụ hung hữ như chó cái nằm ổ:

- Ai khiến anh xía vào?

Tôi nhẫn nại:

- Em có nóng giận cũng không giải quyết được gì.

Rồi tôi kéo Nụ vào bếp, kéo màn che những ánh mắt tò mò. Nụ gục đầu vào ngực tôi, rấm rứt:

- Nó... nó.. chết thật rồi.

Tôi hiểu ra. Đúng như lời Nụ tiên đoán, hôm nay Đăng đến để báo tin con mất. Tôi không biết phải dùng lời lẽ nào để an ủi Nụ, đứng vuốt tóc nàng riết. Tóc nàng sợi vắn sợi dài. Lệ nàng cũng vắn dài truân chuyên. Tôi khẽ cất giọng:

- Thuở ấy em vừa thôi kẹp tóc, thuở ấy anh vừa thôi học xong. Yêu anh yêu anh, em làm thơ. Yêu em yêu em, anh soạn nhạc... Tóc mai sợi ngắn sợi dài, lẩy nhau chẳng đặng, thương hoài ngàn năm...

Tiếng nấc Nụ nguôi dần. Tôi chép miệng:

- Mọi chuyện, coi như xong. Em cũng nên cảm ơn Đăng!

Nụ ngẩng mặt:

- Tất cả do lỗi của em.

Tôi bắt đầu đóng tuồng:

- Không ai có lỗi cả, số mệnh đã an bài như vậy, cãi cũng không được.

Nụ thuộc lòng "tuồng tích" của tôi, không nói, sứt sứt hỉ mũi rồi mở màn, bước ra. Tôi tới kéo ghế ngồi đối diện người tên Đăng. Anh ta mời tôi điều thuốc. Bàn tay anh run nhẹ khi mời lửa. Tôi tự giới thiệu:

- Tôi tên Trinh, bạn của Nụ.

Đăng nhướng mắt:

- Còn lý lịch tôi, chắc anh biết hết rồi?

- Nụ có kể sơ.

Giọng Đăng chùng xuống:

- Cũng lạ... Sau khi Nụ bỏ đi, thằng bé cứ khóc đòi mẹ, vậy mà lúc bệnh trở nặng, sắp chết, nó không nhắc lấy một tiếng.

Tôi trầm ngâm nhìn người đàn ông qua làn khói xám. Anh tiếp giọng kể, tự buộc tội mình. Bỗng dưng tôi thấy ra chân lý đời sống. Tất cả chỉ là một trò trốn tìm với đồng đảo người tham dự. Tôi đang ẩn mình trong chiếc vỏ yên lành. Con còng nhỏ co thân trong vỏ ốc mượn, không ngó ngang gì tới sóng bão bên ngoài. Nó an phận như thế, cho tới lúc tự cảm thấy cuồng chân, mới đi tìm. Điều gì? Cũng chỉ là chiếc vỏ khác, tại một nơi và thời điểm khác. Nó tự đánh lừa nó. Tôi tự đánh lừa tôi bấy lâu nay bằng những ảo ảnh quá khứ. Mọi chuyện đã xong, sao tôi cứ mãi bám víu như hồn ma còn vương vấn cõi âm, chưa chịu đầu thai. Như một trư chủ nhật nọ, tôi vui chân dạo chợ bán đồ cũ, dừng bên sạp tạp hoá của một người Tàu già. Tôi và ông gật đầu chào nhau. Tôi nhận ra nhiều nét thân quen trên gương mặt ông. Đôi chân mày bạc rậm. Cặp mắt sáng. Nếp da nhăn ngang dọc... Phải rồi, tôi kêu thầm, run tay nâng lên từ rổ mây khoen tiền kẽm rỉ mòn. Tôi nhận ra lập lòe bóng dơi quần quanh chữ phúc của ngày xưa nơi đèn rùa vàng. Tôi lấp bắp hỏi cụ già gốc gác đồng tiền. Cụ cười xoa, bảo loại tiền xu ấy, ở Trung hoa thời xưa thiếu gì. Tôi định hỏi thêm, có bao giờ cụ sống ở Việt nam, đã từng cai quản một ngôi đền có hồ nuôi hàng trăm con rùa, nhưng chợt thấy ra quai hàm cụ có một nốt ruồi lơ thơ vài sợi lông bạc, mới thật sự tin rằng, không phải cụ chủ đền năm xưa. Tôi từ giã cụ già, thần thờ lách giữa đám đông như người hành tinh lạc xuống địa cầu. Vẫn còn một chiếc bóng leo đẹo bên tôi. Mãi mãi. Suốt đời.

*

Những ngày sau đó, Nụ bệnh liệt giường. Chiều nào tôi cũng ghé ngang, lo chuyện cơm nước cho nàng. Bị bệnh, lạt miệng, Nụ thêm ăn toàn những món độc đáo như cá kho tiêu, thịt kho quẹt hay hột vịt muối. Cá hay thịt kho, tôi còn trở tài được, chứ món trứng vịt muối, tôi chịu. Tôi vỗ về, bên này không có hột vịt, anh sẽ ngâm hột gà trong nước muối một tháng, tha hồ cho em ăn. Nụ nhõng nhẽo, tới lúc đó em đã hết bệnh, không thèm nữa. Dù vậy tôi vẫn mua một chục hột gà, quậy nước cho "no"

muối, ngâm để dành. Nụ cảm động ra mặt, không gọi tôi là "cung nam" nữa, mà là "đường", xưng "sữa". Tôi đùa, chỉ còn thiếu cà-phê là đủ bộ... tam sên.

Cũng đã lâu rồi, tôi và Nụ không còn tranh cãi nhau về chuyện thần thánh. Không biết Nụ coi chuyện tín ngưỡng quan trọng tới đâu, phần tôi, điều đó thuộc hàng thứ yếu. Tôi không tin vào phép lạ. Những lúc nghe Nụ mê man giảng đạo, tôi hay buột miệng, trông em giống một bà già Bắc kỳ nhà quê ngoan đạo quá à! Nụ ngớ mặt, nhìn tôi nháng lửa. Rồi nàng nhún giọng, một, em không phải là Bắc kỳ mà là "tùm lum kỳ"; hai, em là kẻ có đức tin, không phải vô thần như... người ta. Tôi đã quen với luận cứ cũ rích này, nên im lặng để tránh tai ương, dù lòng vẫn đề quyết rằng ý nghĩ của Nụ còn ấu trĩ lắm. Nhưng Nụ không ấu trĩ, mà tinh ranh như cáo.

Hôm bệnh giảm, Nụ đi chợ làm cơm, gọi điện mời tôi tới ăn. Nàng nấu một món Bắc, một món Nam: súp bóng và bánh xèo. Nụ vừa tráng bánh vừa ba hoa:

- Bột đổ bánh xèo phải có nước cốt dừa mới béo, mới thơm. Ngoài hành lá, hành củ, tép, thịt ba chỉ và giá ra, cũng đừng quên thêm chút đậu xanh cho bùi. Nhưng quan trọng nhất vẫn là nước mắm đúng điệu Nam kỳ quốc. Mặn mặn, giòn ngọt, chua chua, cay cay. Anh coi, em đổ bánh xèo có giống một con mẹ Nam kỳ quần khăn rằn không?

Tôi xuề xòa:

- Em là một mẹ tùm lum kỳ dễ thương nhất nước.
- Lâu lắm mới nghe anh nịnh trở lại.
- Đàn ông nịnh trực tiếp, đàn bà gián tiếp. Họ suốt đời chạy bên lề cuộc sống.

Nụ quay mặt, mím môi ngó tôi:

- Lại văn chương ba xu.

Tôi khề khà nháp một ngụm bia:

- Nếu không vì hoàn cảnh, anh đã trở thành văn sĩ.

Nụ ngạc nhiên:

- Ủa, em tưởng anh thích làm ca sĩ.
- Mười bốn tuổi, anh bị bẻ tiếng, trở giọng vịt đực, mộng làm ca sĩ tan tành.

Nụ trút bánh ra đĩa, mùi thơm làm tôi chảy nước miếng. Tôi đổi đề tài:

- Cho anh ăn thử, coi bột có vừa chưa!

Nụ ngoan ngoãn:

- Dạ, coi nước mắm em pha có hợp khẩu vị anh không!

Tôi cặm cụi quán bánh với xà-lách và rau sống, nhắm nháp ngon lành. Tuyệt vời. Không còn nghi ngờ gì nữa, thượng đế vừa ban phép lạ là Nụ đến cho tôi. Xin tạ ơn Chúa, Phật, A-la, Bà-hai và mọi đấng giáo chủ, kể cả ông đạo Dừa và bà vô thượng sư Thanh Hải. Nhất là tạ ơn em. "*Ơn em khuya sớm hai lần, giấu quanh giấu quần áo quần một nơi...*" Tạ ơn các loại rau thơm. Tía tô, dấp cá, kinh giới, ngò gai, ngò rí, húng quế, húng lủi. Tạ ơn nước mắm hiệu ba con cá cơm. Không có những thứ này, chắc tôi đã xa đời nơi xứ lạ từ lâu. Thân phận tôi, ôi, nổi trôi như vận mệnh Thúy Kiều. Buồn thảm lắm. Ấy mà khi tôi nhắm bánh xèo với bia lạnh, tôi quên tuốt. Không còn những hoài nghi về bản ngã. Những đại triết gia của nhân loại cỡ Nietzsche, Hegel hay nửa mùa như Sartre, Schopenhauer đều được tôi mời đi chỗ khác chơi. Những tâm sinh lý gia xuất chúng như Freud, Jung lần lượt trở thành người đi qua đời tôi. Còn văn hào và thi bá ư? Đẹp hết. Tất cả đều không bằng một miếng bánh xèo trôi qua cổ.

Nụ ngồi vào bàn, ăn lấy lệ. Tôi ngừng tay gấp, hỏi:

- Mệt à?

- Dạ.

- Tỷ như anh là triệu phú, chúng mình sẽ đi biển nghỉ mát.

Nụ rên rĩ:

- Đừng nhắc, làm em nhớ.

Tôi ngớ ngẩn:

- Nhớ gì?

- Nhớ nhà, nhớ đất, nhớ quê hương, nhớ đủ thứ.

Tôi buông đũa. Nỗi nhớ của Nụ làm tôi hết đói. Nụ chậm chạp khều đũa vào đĩa bánh nguội tanh, gấp uể oải. Không khí nặng trĩch như đựng toàn những phân tử nhớ không tên, chưa được khoa học gia nào khám phá. Trời đất, ngoảnh lại, mới hay tôi xa nhà đã hơn hai mươi năm. Thời gian xa quê dài hơn thời gian tôi sống ở đất nước. Tôi lẫn thân tự ví mình như một con đại thử bê-by. Lúc sơ sinh, nó nhỏ bằng ngón tay cái, từ bụng dưới men vào bầu vú mẹ, tìm núm sữa, bú ròn rã tháng ngày. Nó lớn lên an lành hồn nhiên trong thể tích chật chội nhưng ấm áp ấy. Để lúc trưởng thành, nó bỏ mẹ, lưng tung phóng đi, quên tuốt thời ấu thơ trong tù giam hạnh phúc. Loài đại thử có bao giờ hồi tưởng? Chắc không. Còn con đại thử giả hiệu nhưng nhiều cảm xúc trong tôi thỉnh thoảng lại nhớ về. Lúc ngã bệnh, khi không gian chuyển mùa; lúc thất tình, khi chueính choáng hơi men, nỗi nhớ lại dấy đau âm ỉ. Tro than hoài niệm còn tươm khói. Hoả sơn vẫn sôi sục niềm đau sinh quán.

Tâm trạng này, tôi biết, nên tôi thông cảm Nụ trăm phần trăm. Hai nỗi đau riêng hợp thành niềm đau chung. Tối vào giường, Nụ ôm tôi, khóc tí tề. Tôi cũng ứa nước mắt, nhưng cố giữ, vì... nam nhi hề, quay lưng thề không trở lại. Nam tính ngu muội trong tôi, loài đại thử vô bản tính hồi cố quận ấy đã lấp mắt biết bao dòng sông chờ đưa người về.

Tôi ve vuốt sống lưng Nụ, không dám sàm sỡ thêm, sợ vấy bẩn phút giây tưởng niệm thiêng liêng này. Tôi thều thào lạc đề:

- Đất nước mình kỳ cục nhất thế giới, buổi tổ chức nào cũng bắt đầu bằng một phút mặc niệm. Lúc nào cũng có kẻ phải hy sinh, bao giờ mới khá?

Rồi tôi lả lơi bông đùa:

- Đừng bao giờ bắt anh nghiêm chỉnh mặc niệm, hát quốc ca, chào quốc khi trước khi mình yêu nhau!

Nụ dúm mặt vào cổ tôi, càu nhàu:

- Người ta đang buồn nhều nhão, còn giễu cợt.

Tôi hát hò:

- *Con tim trên tráo không bao giờ biết đến nói dối.*

Nụ thâm thì:

- Vậy cho Nụ hỏi anh câu này!

- Cứ tự nhiên.

Nụ ngập ngừng khiến tôi linh cảm chuyện chẳng lành, toan ngăn lời, nhưng đã muộn.

- Có khi nào anh... anh nghĩ tới chuyện tổ chức một buổi tiệc chính thức hoá...

Nụ bỏ lửng câu nói, hé môi nhìn cổ tôi. Người tôi xốn xang, tim tôi bồi hồi. Tôi đang ngửa cổ hiến dâng máu thịt mình cho một con ma cà rồng cái. Rồi tôi bị nhiễm trùng ma dơi, sẽ ngủ ngày, đêm bay lang thang tìm hút máu người.

Tôi phản công yếu ớt:

- Đừng cắn anh!

Địch tràn tới, hăm thành bằng "mỹ nhân kế". Tôi ngọ nguậy:

- Đừng bắt anh thành ma giống em!

Địch dừng tay, giọng ngờ ngạc:

- Cái gì?

Tôi bật cười thành tiếng. Nụ lấm bầm:

- Khùng điên gì đâu không. Anh còn nợ em câu trả lời.

Tôi dùng kế hoãn binh:

- Cho anh thời gian suy nghĩ. Chuyện này quan trọng, liên quan tới thời cuộc quốc tế, tình hình Cu-ba đang căng thẳng, không nên nôn nóng.

- Anh khủng thật rồi.

Tôi lấp đáp:

- Người ta lấy người khủng làm chồng, chứ không ai lấy chồng rồi làm cho khủng!

Nụ đấm thùm thụp lên ngực tôi:

- Hả? Nói cái gì kỳ cục vậy, hả, hả?

Tôi giữ chặt hai tay Nụ. Trong vũng sáng loà nhoà ngọn đèn đêm, Nụ và tôi đối mặt nhau. Hai mắt nàng long lanh. Tự dưng tôi mệt mỏi như kẻ hoang đàng sa đọa lâu ngày vừa trở lại nhà. Không chừng Nụ đã truyền vi khuẩn cúm sang tôi. Ủ, lâu lâu cũng nên lâm bệnh một lần để làm nũng với... người ta. Dường như có vì sao nào vừa rơi lạc vào đáy mắt Nụ làm tôi xúc động băng khuâng. Tôi bắt chước giọng Bắc kỳ di cư của Nụ, nhủ thầm: "Chao ôi, sao mấy chuyện trăng sao cứ dây dưa theo mãi tôi, suốt đời thế này?"

trích tập truyện *Ngôn Ngữ Tuyệt*

Đệ Tam Khoái Tửu Điểm

Má của Bảo không bao giờ giấu giếm những gì bà đã nghiệm trải trong quá khứ. Trời, mấy chuyện hồi năm, bà cười xuề xoa mỗi khi nhắc lại, thuở má còn con gái, ở cái làng nhỏ xíu ven cửa sông Hậu trở ra biển đó hả, vui quá chừng! Chỗ làm việc của bà là ngôi nhà nhiều gian lấm chái, mái đổ âm dương, ẩn trong rừng tre trúc rậm rì. Theo ngôn ngữ thời đại bây giờ, có thể kêu đó là "Cơ quan Bồi dưỡng" của đàn bà, con gái trẻ đẹp, vui tánh. Nam khách vắng lai còn đặt cho nó cái tên văn huê bóng bẩy là "*Đệ Tam Khoái Tửu Điểm*". Má Phước là người chủ trì, lo việc điều khiển "cơ quan", trong ngoài chu đáo.

Không, bà chúm môi lỏn lỏn. Má không phải là một trong số "nữ nhân viên bồi dưỡng" này đâu nghe con, đừng có nghĩ bậy! Con ngó lại coi, dung nhan cha sanh mẹ đẻ của má làm sao so bì với sắc nước hương trời của "mấy con đó". Trong bốn món "công, dung, ngôn, hạnh" dành cho nữ giới, ông trời chỉ ban cho má độc nhưt chữ "công" làm thuốc. Đúng vậy, bà quán xuyên chuyện chợ búa, nấu nướng, giặt ủi, và kiêm luôn coi bói, là món nghề độc đáo của bà được hết thấy nữ nhân viên "đánh giá cao". Ủ..., thì... cũng là cái lễ công bằng của trời đất, má ấm ứ. Thay vì nhan sắc, bà sở hữu bả sinh được nghệ thuật nấu ăn và bói số. Vậy mà, rủi thay,

bà chép miệng nén tiếng thở dài, những biến động quốc sự của đất nước má lại không tiên liệu được, Bảo à!

Kỹ xảo làm bếp của bà nức tiếng độc nhất vô nhị một thời, ở xẻo đất sông nước ngọt, lợ sáu tháng đổi thay đó. Trong bất kỳ đình đám lớn nhỏ nào trong làng, theo tục lệ địa phương hay có tính cách tôn giáo, lúc nào bà cũng được ban hương quản hội tề đề bạt làm bếp chánh, mặc dù ai cũng biết bà là người ăn kẻ ở trong tửu điểm của má Phước. Là nơi, mỗi khi nữ giới gia giáo trong làng nhắc tới, đều trề môi nhún mỗ khinh miệt. Chẳng hề hấn chi, vì theo bản tánh tham thực của người Việt mình, "ăn" đứng đầu tứ khoái. Còn cái chuyện "ái tình xác thịt" kia, nói theo cách dung tục, chỉ được xếp hạng thứ ba mà thôi. Cũng chính vì vậy mà má Phước, một người có đầu óc và sáng kiến thương mại tận tụy, còn sai thợ xây riêng một chái bếp, cách "tửu điểm" một khoảng sân đổ gạch xà bần, có lối đi lót gạch nung, chưng cây kiềng, tránh cảnh xô bồ tấp nập trong những cao điểm cuối tuần đầu tháng. Ở đó là chu vi dựng võ để má của Bảo trở tài thoả mãn "đệ nhất khoái" cho nam nhân tài tử tứ phương. Lễ đương nhiên rồi, bà làm mặt nghiêm trọng, má với má Phước đã cặn kẽ bàn nhau năm lần bảy lượt khi ra thực đơn. Cả hai đều thuận ý, chỉ nấu những món bổ thận và tráng dương, theo tiêu chuẩn "nhất dạ, lục giao, sanh ngũ tử", cho thực khách. Như dê bảy món, đặc biệt là cà-ri dê đúng điệu Ấn độ. Tiết canh vịt rau húng quế. Cháo thận dồi trường. Và, đặc sản của quán, được tài tử miệt vườn hoan hỉ chiêu cố, là món ngọc dương và ngọc hành bỏ tiêm thuốc bắc. Cơ sở kinh doanh cứ vậy mà phát đạt.

Tửu điểm sống được nhờ cậy khách nam giới. Phồn thịnh cho tới lúc cuộc nội chiến, từ đâu hồng biết, lan tới quê hương bà. Lớp lớt đàn ông trai tráng trong làng phải lên đường thi hành quân dịch, thì tửu điểm bắt đầu ế ẩm. Trai tráng, lắm kẻ buộc phải lìa quê. Một số không ít lẫn vô bụng, theo cánh giải phóng. Nhà cửa, ruộng vườn bỏ lại cho nữ nhi lo liệu. Mà, đâu phải chỉ có vậy, má buông tiếng xuôi xị, mấy chả còn rù quên đám "nữ nhân công" đi theo nữa, có chết hông chớ! Có đũa, hồng biết ăn nhằm giống gì, lại nghe theo, mới ác. Chỉ sau một đêm, gần phân nửa "công nhân viên" trốn "nhiệm sở" vô tung biệt tích. Trong số đó, nhiều ả là danh kỹ đề ra tiền của tửu điểm, mới xui tận mạng cho má Phước!

Má Phước rầu rĩ, lo âu không kể xiết, đêm ngày không ngớt khấn nguyện thần Bạch Mi. Nói tới đó, má của Bảo há hứ, đã nói rồi, kệ thờ ông tổ mày trắng với lại ông thần tài không được đặt chung, dẫu là bên dưới, với trang thờ Phật, mà phải dời qua chỗ khác mới đúng. Bà có chịu nghe đâu! Đó, đó, thấy chưa! Người làm bỏ trốn, tài lộc tiêu tán. Đám còn lại, nhè thời buổi kinh tế suy sụp, khách hàng thưa thớt, lại sanh tật "dâm thực" và càng lúc càng mê tín dị đoan.

Nói tới nói lui, không qua nói thiệt, năng khiếu bói toán của bà có giới hạn. Vì vậy, lắm khi bà phải vận dụng tới đa óc tưởng tượng. Má là phụ nữ độc nhất trong tửu điểm, má cao giọng kiêu hãnh, có trình độ học vấn lớp ba trường làng, biết đọc và viết trơn tru; được trọng vọng là người đọc nhiều, hiểu rộng. Tủ sách giáo khoa và văn chương Tàu Việt của thầy giáo làng, bà đọc gần hết. Nhờ vậy mà, những khi coi bói, bị tổ trác, bà chêm vô tình tiết đọc trong "*Kim Vân Kiều*", làm nhiều đũa không khỏi sa nước mắt. Không chuyện gì phải xấu hổ hết á, má khẳng khái lên tiếng, vì bà coi bói không nhận một xu tiền quẻ. Nếu có, chẳng qua vì lòng tốt của thân chủ mà thôi. Quà cáp cúng quẻ có khi là vài thước lụa hảo hạng nhân dịp Tết nhứt, một chai dầu thơm Tây nhập cảng chính hiệu, hay cái vé coi cải lương gánh hát lưu diễn.

Sau vài tháng kinh tế kiệt quệ, để đối phó tình trạng miệng trên làm việc nhiều hơn miệng dưới của đám đàn bà con gái, má Phước đề ra chính sách "lương thực tự lực cánh sinh". Má của Bảo được giao phó nhiệm vụ chỉ dạy mọi người cách trồng rau cải và đi qua vườn hàng xóm, mua trái cây tự hái. Hai lần trong tuần, bà còn hướng dẫn cả đám ra hồ nước ngọt gần đó lượm cá.

Nhằm mùa nước ngọt, không biết từ đâu, cá hội về hồ Cá Lóc, thấy bắt ham, má chất lưới hít hà. Hồ nước rộng minh mông. Một cánh rừng mắm rậm rì bao bọc chung quanh. Theo lời đồn đại, trong đó là sào huyết của nhiều đám lục lâm, thổ phỉ. Ôi, nhằm nhò gì mấy chuyện đó. Cùi mà, đâu có sợ lở, má háms hứ. Mà, xuất xứ của nhiều gã đã từng tới lui từu điếm cũng tì vết vằn vện, sạch sẽ gì cho cam!

Không biết tác năng hành nghề của đám nữ nhân viên điệu nghệ tới đâu, chớ chuyện cá mú, mấy con quỉ cái bù trát. Nhiều buổi cấp lưới, xách giỏ, đi rồi về gần như tay trắng. Mấy ả chẳng màng, coi chuyện ra hồ Cá Lóc bắt cá như một chuyến du ngoạn giải trí, mặc sức giỡn hớt. Mấy cô vừa vẫy vùng bơi lội, tắm rửa, gội đầu vừa lớn giọng kể chuyện tiếu lâm cho nhau nghe; không cần biết rằng, làm như vậy, cá nào dám bén mảng tới gần!

Một bữa nọ, lúc vùng trời phía đông chập choạng đổi sắc chàm, các ả í ới gọi nhau, chuẩn bị ra về. Thấy thiếu một người! Chị bếp!

Kể tới đó, má của Bảo bụm miệng cười sặc sụa, sa nước mắt sống. Thiếu mặt bà, chính bà, chớ không ai khác.

Đầu đuôi có sự xảy ra như vậy!

Trong cánh rừng mắm lầy lội ấy, tới mùa nắng ráo, có một thứ ốc gạo tuyệt hảo, vừa mập vừa ngọt. Ốc gạo luộc lá ổi chấm nước mắm tỏi ớt là món ăn chơi rất được dân nhậu ưa chuộng. Bữa đó, má để cho mấy cỗ ở lại vọc nước, một mình xách giỏ, lủi vô rừng mắm bắt ốc.

Đang độ nước ròng. Ngọn gió biển nhẹ thổi vô, xua dịu cái nóng xé trưa oi bức. Thói thường, chim muông chốn này hằng hà sa số, vậy mà bữa đó, chắc bận trốn nắng sao đó, nên không nghe động tĩnh gì ráo. Chỉ nghe mỗi bày ve biếng nhác khàn giọng rân rân. Âm vang chói tai nghẹn lại, ù đặc thính giác. Ruồi lằng cằng muỗi mòng đánh được hơi người, từ lùm bụi hang hốc, ở đâu hồng biết, túa ra, vo ve quanh quất. Khu rừng nước cạn cời tằm áo trầm thủy, phơi ra, rộng gần gấp đôi lẽ thường, trần trụi phô bày dung nhan nhiệt đới. Má ưa nhứt loại cây tầm gửi, chỉ thấy ở miệt này, đang tới mùa trở bông vàng rực, đẹp không biết tả sao cho đúng. Ngó thoáng qua, mường tượng như hàng ngàn cánh bướm mướp đang chập chờn khoe sắc. Nhưng mà, lúc đó má đâu để ý gì tới chuyện cây với cảnh, vì còn mê mẩn gõ lưng bắt ốc. Không phải chuyện đơn giản nghe con, bởi vì sau khi nước rút, lũ ốc tự động vùi sâu xuống bùn. Vì vậy, má chỉ còn nước nhờ cậy vô giác quan nhạy bén của đôi bàn tay đầu bếp và chịu khó mò mẫm. Chỉ một lát sau, giỏ mây sau lưng má đã nặng trĩch gần đầy ốc gạo, con nào con nấy mập ú, cỡ bằng ngón tay cái người lớn. Tánh tham làm má quên hết, chẳng để ý gì tới giờ giấc và khung cảnh chung quanh nữa. Ngay chuyện đĩa trầu bu đầy bắp churen, má cũng không ngó ngang gì tới. Khi cất lưng đứng lên muốn hồng nổi, má mới đuổi người nghỉ mệt. Đưa mắt ngó quanh quẩn, má bắt run en ớn lạnh, vì không còn biết mình đang ở đâu nữa. Không còn nghe tiếng được tiếng mát của mấy con quỉ cái vẩy nước vắng lại theo gió. Giữa

bốn bề cây lá u minh vang vọng chát chúa bài hoan ca ve sầu không dứt. Cánh rừng mấm quen mắt quen tai bỗng dựng hoá thành một mảnh không gian lạ hoắc, mọc đầy bất trắc. Má hấp tấp tìm lối quay lại. Chỉ được một quãng ngắn, má đụng đầu hai người đàn ông áo mác giắt lưng, từ lùm cây xông ra chắn lối. Rồi họ huơ mác hăm dọa, bắt má đi. Quý thần ơi, bấy giờ má mới hiểu ra, họ chính là đồng bọn của đám thổ phỉ đang bị cò bót truy lùng khắp lục tỉnh Nam kỳ thời bấy giờ.

Má cứ đinh ninh rằng, phần số mình coi như bọt mạng từ đây. Sau này mới té ngựa, má bị họ bắt cóc chỉ tại cái tài làm bếp độc nhứt vô nhị của má, đó con!

Để rồi, má thắp tòng đám thảo khấu vào sanh ra tử khắp Nam kỳ, và được họ đối xử như đồng bọn. Má nhận diện ra vài đứa trong đám đã nhiều phen lui tới tửu điếm chơi bời, nhậu nhẹt. Được cái, hết thầy mọi thứ họ cướp đoạt, đều được chia chác sòng phẳng cho mọi người, mặc dù chưa lần nào má đích thân nhúng tay làm chuyện ngoài vòng pháp luật đó. Năm này tháng nọ, má lẽo đẽo gồng gánh nôi niêu song chảo theo churen họ đối đầu với hiểm nguy, chia ngọt sẻ bùi những thịnh suy đời thảo khấu. Để thấy ra chuyện sống chết lăm phen mỏng dính như tờ nhện. Và cùng nhau trải qua những biến thiên động địa của đất nước mình. Má chấp nhận không một lời ta thán, và được tình cảm rộng lượng của thủ lĩnh Hai Tâm đền bù. Má nói thiệt, đó không phải là sấm sét ái tình đọc được trong văn chương tiểu thuyết đâu con, mà là thứ tình tới từ miếng ăn cái uống mỗi ngày ba bận, đông càng lúc càng đầy, trong hoàn cảnh rày đây mai đó. Cho tới một ngày, má cần thai.

Phước hạnh không kéo dài được lâu, vì ít lâu sau, Hai Tâm mắc bệnh sốt rét. Trước ngày dứt chiến tranh, ông trút hơi thở cuối cùng trong khu rừng mấm quen thuộc, trong cánh tay má còn vằng vát mùi tỏi hành, mấm miếc. Theo lời trăng trối, ông được mai táng tại một gò đất kín đáo mọc nhiều giống cây tầm gởi bông vàng, mà má đã bao phen ngừng ngo ngẫm nghĩa.

Bảo à, đúng vậy, con chính là hậu duệ của thủ lĩnh đảng cướp khét tiếng một thời đất lục tỉnh Nam kỳ. Ông là kẻ bị chánh quyền ráo riết truy lùng, và cũng là người được dân chúng tôn sùng nhiều nhứt đất lục tỉnh Nam kỳ thuở đó, vì phần lớn mọi thứ ông và đồng đảng đi ăn cướp nhà địa chủ bóc lột, sau đó được phân phát cho tá điền.

Bữa nay, nhân ngày thành niên của con, má thổ lộ cho con biết điều bí ẩn này. Đừng bao giờ quên rằng, con mang trong người huyết thống kiêu hãnh, là đứa con được sanh ra bằng tình yêu chân thành của má và của một kẻ có thể được gọi là "anh hùng dân tộc" đúng nghĩa.

(phỏng dịch từ "*Das Haus der dritten Glückseligkeit*," cùng tác giả.

„Ăo Từ “ „, Ần Từ “ hay „, Biển Từ “ trong tiếng Việt

Văn học Việt nam ngoài nước bắt đầu cực thịnh từ cuối thập niên 80 trong thế kỷ hai mươi vừa qua. Không biết vì có gì, vương nợ ai mà tôi, một kẻ ở đất trích xứ Tây Đức thuở ấy, cũng cày cực ra tay góp chữ cùng chư liệt vị thi văn bên kia bờ Đại Tây Dương.

Hoàn tất một truyện ngắn vào những thập niên ấy, trong trường hợp cá nhân tôi, là một hành trình gian truân. Tôi có thói quen viết tay, thường vào đêm hôm khuya khoắt, sau đó đánh lại bằng máy chữ trên một mặt giấy. Trong lúc tra dấu, bài viết được tôi kiểm soát, "điểm trang" lại lần cuối, trước khi cho vào phong bì, đem ra bưu điện. Tới khi máy đánh chữ điện với bộ chữ tiếng Việt ra đời, những chuyến "đọc hành trong đêm" của tôi đã bớt đi phần nào nhọc nhằn. Rồi, thời đại vi tính bắt đầu triển khai. Tôi học lóm được từ các bạn cách gõ tiếng Việt bằng máy vi tính. Nhiều từ vựng tân kỳ, như Ventura, VNI, rồi Microsoft Word, VPS, Unicode, ... ngang nhiên xâm nhập vào ý thức tôi. Không một lời tự giới thiệu, không chào hỏi, và lẽ đương nhiên, không xin phép gì ráo. Nhưng được tôi dễ dãi chấp nhận, vì "hành trình văn chương" của tôi, xét theo phương diện kỹ thuật, nhờ vậy đã bớt trầy vi tróc vẩy hơn trước bội phần.

Cho tới hôm nay, từ từ tôi đã tập được thói quen "sáng tác", hết còn "tối tác". Và thay vì viết tay, tôi gõ thẳng vào máy vi tính. Sau đó đọc và sửa với bàn phím, trên màn hình. Chữ không còn đơn thuần là tình nhân với mực in và giấy trắng nữa, mà trở thành những tín hiệu điện tử chằng chịt tiềm ẩn trong nhu liệu, chờ ngày xông pha ra trận mạc tin mạng toàn cầu. Nhưng, dẫu là gì gì đi nữa, chữ nghĩa, đối với tôi, trước sau vẫn là phương tiện, không phải để dẫn tới cứu cánh, mà là một cách để tôi giao tiếp với bạn đọc, những người mà tôi chưa hề quen biết.

Nếu thuở trước, thỉnh thoảng tôi lại nhận được thư làm quen của độc giả do toà soạn chuyển tới tận nhà qua đường bưu điện, với danh chính ngôn thuận, địa chỉ người gửi cùng nét bút, chữ ký và đôi khi, kèm theo cả hình ảnh với lời đề tặng hẳn hoi. Thì giờ đây, độc giả vi báo chỉ còn là những "ẩn danh" qua các bài góp ý gọi là "phản hồi", "phản biện", và không biết sẽ có thêm những "phản" gì nữa. Tốc độ liên lạc giữa người viết và người đọc càng ngày càng tiện lợi và nhanh chóng. Nhưng hình như, tiếc thay, không vì vậy mà mối giao hảo giữa họ gần gũi và mật thiết nhau hơn. Mà nhiều khi, ngược lại.

Những thay đổi này bắt tôi lăm lăm lúc không khỏi ưu tư. Lẽ nào, những bạn đồng hành cùng tôi trong những chặng đường văn chương chữ nghĩa thửa nào, đột nhiên hoá thân thành những "nhân vật ảo", ẩn mật như một màn xảo thuật tài tình theo đà tiến bộ kỹ thuật của nhân loại?

Một số từ vựng trong ngôn ngữ Việt nam, nhiều khi, cũng bắt tôi ưu tư như vậy. Tôi không biết phải gọi chúng là gì. Đắn đo tới lui, tôi tạm cúng cơm, đặt tên cho chúng là "ảo từ", "ẩn từ" hay "biến từ" cho... tiện. Nói chung là những từ "nghe vậy nhưng không phải vậy".

Chẳng hạn như từ "chớ" trong phương ngữ miền Nam.

"Chớ", thoát tiên, là từ đồng nghĩa với "chứ" theo cách nói của người phương Bắc. Hãy nghe lời thề non hẹn biển của đôi tình nhân trai Bắc gái Nam: "Sao em lại nghĩ

thế, anh yêu em lắm *chứ*. Đứa nào nói dối, trời phạt." Nếu chàng gốc gác Nam kỳ, thì câu nói sẽ khang khác: "Nói tầm bậy nà, anh thương em lắm *chớ*. Đứa nào nói láo, trời đánh." Vậy mà bạn bè của nàng cứ rủ rỉ khuyên ngăn: "Mày *chớ* nghe những gì thằng đó nói, mà hãy mở mắt coi kỹ những gì nó làm!"

Hay trong ca khúc "*Nắng chiều rục rờ*" của nhạc sĩ Phạm Duy:

*"Chớ buồn gì, trong giây phút chia li.
Khi chiều về, lung lay trúc tre.
Chớ buồn gì, khi tan nắng, đêm về.
Cho thuận đường âm dương bước đi..."*

Thì ra, "chứ" hay "chớ" từ vị trí khẳng định trong "lắm chứ" hay "lắm chớ" đột nhiên biến thành "chớ" mang nghĩa phủ định, có nghĩa như "đừng", nhưng "yếu" hơn, gần như "không nên". Như khi cụ Đồ Nguyễn Đình Chiểu cho chàng Lục Vân Tiên, sau khi đánh đuổi bọn cướp đường, lên tiếng khí khái cản ngăn nàng Kiều Nguyệt Nga toan rời kiệu hoa:

"Khoan khoan ngồi đó chớ ra", bởi vì
"Nàng là phận gái, ta là phận trai."

Nhưng, khi ai đó nói: "Vớ anh, chuyện gì tôi cũng làm, *chớ* chuyện cho anh mượn tiền, tôi chịu thua." Thêm lần nữa, "chớ" thay xiêm đổi áo, không khẳng định hay phủ định gì ráo, mà đâm ra lưỡng lự và biến dạng tương tự như "còn".

Nguyên nhân gì xui khiến "chớ" thay lòng đổi dạ chóng vánh như vậy, thú thật, tôi không rõ.

Từ "dễ", theo thói thường, giữ vai trạng từ trong ngữ pháp, phản nghĩa với "khó". Ấy mà, trong lời ta thán thường nghe: "Đàn bà *dễ* có mấy tay!", "dễ" giữ nhiệm vụ gì, khó xác định sao cho chính xác. Khác với: "Con bé ấy càng lớn trông càng *dễ* thương", "dễ" có nghĩa như "đáng". Nhưng tuyệt đối, không ai nói: "Con bé ấy càng lớn trông càng *đáng* thương", vì ý nghĩa của hai câu nói khác nhau nhiều lắm. Tinh tiết trong ngôn ngữ Việt đâu phải chỉ đơn giản bao nhiêu đó. Vì, nếu như "thương" được thay bằng "yêu", ta sẽ có "dễ yêu" cũng như "đáng yêu", thì "dễ" và "đáng" lại đồng nghĩa với nhau, mới chết!

"Dễ" còn được người Việt sử dụng trong lời khen: "Thằng đó không biết ăn nhằm giống gì mà lấy được con vợ đẹp *dễ* sợ." Hay: "Tao mới làm quen được con nhỏ kia đẹp *ác*." Điểm ngộ nghĩnh trong hai thí dụ vừa nêu là biến tính của hai từ "sợ" và "ác". Nghĩa tiêu cực thuần túy của chúng tan biến đâu mất, để hỗ trợ tích cực, "nâng cấp" tính đẹp lên tột đỉnh, vượt qua ý niệm giới hạn của "sợ" và "ác"!!! Như thể ở cực điểm, ngôn ngữ cường điệu có khả năng triệt tiêu cả đối tính. Tương tự vậy, người Việt nói: "Con vợ thằng chả nói năng vụng về vậy mà nấu ăn ngon *ghê!*" thay cho "ngon quá"; hoặc "Ca sĩ X không rành nhạc lý gì hết, vậy mà hát hay *kinh khủng!*" thay vì "hay tuyệt". Lại... *ghê!*

Thông thường, "đi" trong Việt ngữ là từ vựng chỉ hành động di chuyển từ A tới B, không phân biệt đi bộ, đi xe đạp, đi xe ngựa xe bò, đi xe ôm, đi xe máy, đi xe đồ, đi xe hơi, đi tàu bè hay đi bằng máy bay. Bất kể sử dụng phương tiện giao thông gì, dân Việt đều nói "đi" tuốt luốt.

Ca dao có câu:

*"Đi đâu cho thiếp theo cùng.
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam."*

"Đi đâu", ở đây, không nêu rõ đích đến của "đi", mà ngụ ý "dù bốn ba chân trời góc bể nào"... Không như, thí dụ trong ca khúc *"Bài Hương ca vô tận"* của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng: *"Hát nữa đi Hương, hát điệu nhạc buồn, điệu nhạc quê hương. Hát nữa đi Hương, hát lại bài ca, tiễn anh lên đường..."*, "đi" hoá ù lì, không nhúc nhích cục cựa gì hết, mà được dùng theo thể mệnh lệnh cách, dùng để sai khiến, đòi hỏi hoặc yêu cầu. Đôi khi, cả hai thể cùng có mặt, như trong bài thơ *"Dạ khúc"* của thi sĩ Thanh Tâm Tuyền được nhạc sĩ Phạm Đình Chương soạn thành nhạc phẩm *"Dạ 'Tâm' khúc"*:

*"Đi đi chúng ta đến công viên.
Nơi anh sẽ hôn em đắm đuối.
Ôi môi em như mật đắng.
Như móng sắc thương đau."*

*Đi đi anh đưa em vào quán rượu.
Có một chút Paris.
Để anh được làm thi sĩ.
Hay nửa đêm Hà nội..."*

Cũng chưa thấy gì "quan ngại" lắm! Chuyện đáng ngại chỉ xảy ra, khi "đi" cặp kè với "thôi". Còn gì đau lòng hơn, khi lời đề nghị (hẳn là số sòng) của chàng bị nàng ngắt gọn phang cho hai chữ: "Thôi đi!" Trong tình huống này, kiểu nói, hay văn hoa bóng bẩy, phong cách diễn đạt của đối tượng nàng giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Nếu giọng nàng ngọt ngào, nũng nịu với một ngắt quãng giữa hai chữ thì chưa sao. Hy vọng còn tràn trề. Chỉ khi nào nàng đổi giọng cau có, thì hy vọng gần như tiêu tùng, liệu tìm lời năn nỉ thì hơn! Và từ "đi" bỗng hoá vô nghĩa, biến dạng thành một thứ gì rất... kỳ cục, người viết không biết phải giải thích sao cho ổn.

Khi nói đến từ "mới", người Việt chúng ta đều nghĩ *"mới"* là hình dung từ, trái nghĩa với *cũ*". Đúng thôi. Ấy mà, khi mẹ nhắn nhủ con gái: "Con ạ, cái thằng X tuy xấu trai học dốt, nhưng là con nhà danh giá, giàu tiền lắm của. Con lấy được nó, tình nghĩa *mới* bền, *mới* thật sự là duyên tiền định, con ạ!", thì "mới" lại mang nghĩa "có như vậy".

Không như, trong:

*"Khôn ngoan đến cửa quan mới biết.
Giàu có ba mươi Tết mới hay",*

"mới" hàm ý "sẽ rõ, sẽ vỡ lẽ".

Ngoài ra, "mới" cũng còn có nghĩa "thoạt, thoáng, vừa". Thí dụ như hai câu ca dao tân thời sau đây (người viết giữ bản quyền):

*"Nàng thủ thỉ, tháng này em chưa có.
Chàng mới nghe, muốn cuốn vó chạy cho rồi."*

Trên đây là dăm ba từ được tôi mạo muội và liều lĩnh gọi là "biến từ" như một cách để tách bạch với "hư từ", theo Hồ Ngọc Đức là những: "Từ không tiêu biểu cho sự vật, hành động hoặc không có đối tượng như *nếu, bên, vậy*. . . và chỉ biểu thị những mối quan hệ giữa các *thực từ* trong *câu*." (11)

Vậy, "chớ" ở trên (còn) có thể gọi là "hư từ", chính xác hơn chăng?

*

Truyện ngắn "Tình nghĩa giáo khoa thư" trong tập "Hương rừng Cà mau" của nhà văn Sơn Nam thuật chuyện thầy phái viên nhà báo "Chim Trờì" ở Sài gòn xuống tận xóm Cà Bâỵ Ngọỵ ở miệt Hậu giang, thuở chưa có máy vi tính, để đòi tiền báo đọỵ giả Trần văn Có, tự Tư Có.

Có đọỵ, hai người chuyện vãn:

"- Làm báo thì cần nhiều trí óc lắm phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách 'Quốc Văn giáo khoa thư', thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chớ. Làm sao mà quên đượç! Hồi nhỏ tôi hót 'ca rê', tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc minh sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm ăn rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài 'Chốn quê hương đẹp hơn cả' chớ gì?

Rồi chú đọỵ một hơi:

- Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm, lán giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...

- Đó đờ! Đó đờ! Anh Tư nhớ kỹ quá... Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan... Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài."

Nhờ mấy bài học vỡ lòng trong cuốn "Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp sơ đẳng, Việt Nam Tiểu học từng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi! Cái buổi thơ ấy đó nay còn đâu", mà thầy phái viên nhà báo và ông đọỵ giả nghèo rớt mồng tơi nọ thân thiết nhau. Để sau đó:

"Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây đầu tiên.

- *Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...*

- *Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi 'đăng' là vì ái mộ báo Chim Trời chớ ít đọc lắm. Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.*

- *Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót."*

Trong tiểu luận "Sơn Nam xuyên bờ: Tình nghĩa giáo khoa thư ở đầu thế kỷ 21", Đinh Từ Bích Thủy đã mượn ý truyện ngắn này, bằng những nhận xét tinh tế và mẫn cảm đã tâm sự: "*Tôi tưởng tượng, lúc này, thay vì phải chèo thuyền như thầy phái viên đến vùng Rạch Giá Cà Mau để tìm mối tương phùng với độc giả, tôi có thể ngồi trước máy tính, đánh điện thư đến thẳng một độc giả, sống ở một nơi xa xôi hẻo lánh nào đó ở bên kia địa cầu. (Da Màu, với chủ trương văn chương không biên giới, có lẽ cũng như tờ Chim Trời của Sơn Nam bay vào ... thế kỷ 21. Tôi không hiểu người độc giả vô hình này có những khái niệm gì về Da Màu: họ có nghĩ, như ông độc giả ngây thơ miệt vườn của Sơn Nam, rằng chúng tôi là những ảo thuật gia thêu dệt những thế giới không tưởng trên mạng, hay họ đã biết tông tông tong rằng chúng tôi chỉ là những con người bị ... mất ngủ kinh niên, hoặc vẫn mộng du giữa những quãng thời gian hỗn tạp, hàng đêm gõ lạch cạch trên những phím của máy tính để trốn thoát cái khe hẹp của đời sống thường nhật?)"* ([\[2\]](#))

Đọc và ngẫm lại truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam cũng như bài nhận định của Đinh Từ Bích Thủy, thấy ra mối liên hệ và cái tình giữa người viết và người đọc thời trước và bây giờ khác nhau dễ... sợ. Tôi không phải là phái viên nhà báo lặn lội gian khổ đi đòi nợ ông độc giả, một người tuy ít học và ít đọc, nhưng có lòng quảng đại, vì như ông đã bộc bạch: "*Mấy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.*" Độc giả báo mạng cũng không phải tốn hao gì, chỉ cần gõ vài cái là thế giới ảo của văn chương và chữ nghĩa hiện ra trước mặt, nhanh như vận tốc ánh sáng. Tương quan giữa tác giả và độc giả, vì vậy, chỉ còn lại sợ vì chữ thuần túy, vô tình và lỏng lẻo. Không mùi của mực in. Vô cảm của sớ giấy. Không còn những rạo rục đợi ngày báo phát hành, nôn nóng mở trang thư tín, tìm đọc phần trả lời thư "phê bình" của độc giả gởi từ... tháng trước.

Những cảm nghĩ này khiến tôi, đôi lúc, không khỏi âu lo trước những ảo tính, ảo tính cùng biến tính của chữ nghĩa trong thời đại vi tính hiện nay. Không biết, mai đây mọi sự sẽ chuyển hoá ra sao?

(tháng 3. 2010)

[1] Hồ Ngọc Đức, [Free Vietnamese Dictionary Project](#).
(http://vi.wiktionary.org/wiki/h%C6%B0_t%E1%BB%AB)

[2]

http://archive.damau.org/index.php?option=com_content&task=view&id=4350&Itemid

Nỗi Băn Khoản của “ Con ” và “ Cái ” trong Tiếng Việt

Tôi nhớ, thuở nhỏ, đọc được ở đâu đó một bài viết về mạo từ trong tiếng Việt. Tác giả, không nhớ là ai, cho biết, Việt ngữ chỉ có một mạo từ giống đực duy nhất là "được", còn lại rất giống "cái". Không hiểu bài tiểu luận ngôn ngữ ấy được viết theo khuynh hướng nào, nghiêm túc hay chỉ là một kiểu biếm ký, đọc lúc trà dư tửu hậu. Chỉ biết, tôi đã nghĩ rằng, kiểu lý luận ấy có thể tin được!!!

Giờ đây, tôi mạn phép thay mặt "cái" giống đực duy nhất trong mớ ngôn ngữ "mạo từ" của Việt ngữ, bộc bạch dăm ba nỗi băn khoăn: "Cái" của những "cái bàn", "cái nôi", "cái chổi", và nhiều rất nhiều "cái" khác nữa, lẽ nào được dùng để ám chỉ phái tính, như *la* đối với *le* trong tiếng Pháp, *die* đối với *der* trong tiếng Đức, cho sự vật trong tiếng Việt được chẳng? Còn phái tính của những "mạo từ" khác trong Việt ngữ là gì? Chẳng lẽ gom hết chúng lại cho vào "giới thứ ba", nhập nhằng chẳng ra làm sao, như mạo từ trung tính *das* trong Đức ngữ? Sao thấy vừa đáng thương vừa bất công cho chúng quá! Chúng lỡ vướng tội gì mà lại bị "cái" giống người Việt ít ỏi ấy bố thí cho thứ phái tính lửng lơ, tuyệt vọng ấy?

Khi tôi lâm vào tình huống là "giáo viên Việt ngữ" cho một số người bản xứ tại Đức, tôi phải tìm hiểu thêm thì biết ra, không thể gọi những "cái", những "con" và những trợ từ khác là mạo từ như *le*, *la* hay *der*, *die*, *das* được. Mà, như một vài quyển văn phạm Việt ngữ dành cho người Đức, tác giả gọi đó là những *Klassifikatoren*: "Phân loại từ", hay ngắn gọn là "loại từ".

Trong bài viết này, tôi xin có đôi lời về một số loại từ điển hình.

"Cái" và "con" là hai dạng loại từ thông dụng nhất trong tiếng Việt. Nhiều tính vật được mang loại từ "cái": cái nhà, cái tủ, cái đèn, cái áo, cái kéo, cái chén, cái muỗng, v.v... Nhưng đôi khi một số từ nêu trên cũng có thể là: "căn" hoặc "ngôi" nhà, "cây" hoặc "ngọn" đèn, "chiếc" áo, "cây" kéo. Không hiểu nguyên nhân gì đã dẫn đến những thay đổi trên? Chỉ có thể giải thích theo kinh nghiệm thuần cảm tính: cho "nhà" thì "cái" là loại từ tổng quát, còn "căn" có thể được hiểu là một trong một dãy nhiều nhà san sát; qua tới "ngôi", nghe ra đã văn vẻ và bề thế hơn nhiều lắm. Thí dụ: "*Ngôi nhà thừa tự của dòng họ Nguyễn Bửu nằm trong vườn cây êm ả, nhiều bóng mát.*" Hoặc: ngôi chùa, ngôi nhà thờ, ngôi biệt thự. Hoán vị "cái" thay cho "ngôi", văn pháp thấy đã... xuống cấp vài ba mức. Còn "căn"? Có thể dùng được trong vài trường hợp, nhưng xét kỹ, thấy khang khác, chỉ còn là một phần của "ngôi" mà thôi.

Nhiều loại từ sử dụng trong tiếng Việt đậm nét biểu tượng, là điều không thấy có trong các ngôn ngữ khác (Ở đây, tôi xin khe khẽ đặt câu hỏi, rằng tôi có võ đoán không?). "Cây" là một trong vô số trường hợp điển hình. Tất cả những gì hội đủ một hoặc tất cả các điều kiện: thẳng thẳng, đầu tà đầu nhọn, có tán rộng gợi hình một thân cây, mang loại từ "cây": cây đèn, cây viết, cây đinh, cây kim, v.v... Nhưng tại sao lại là "cây cầu"? Tôi đoán, vì dân mình ở quê thường dùng thân hay gỗ cây làm cầu bắc ngang sông.

*"Ví dầu cầu ván đóng đinh,
cầu tre lắt lẻo gập ghènh khó đi"*

Và, đặc biệt với "đèn", vì có nguyên thủy dính líu với "lửa", nên mang thêm loại từ "ngọn". Mặc dù suy xét chi ly, thấy "cây đèn" và "ngọn đèn", tuy cùng ngữ tộc nhưng ý nghĩa có hơi khác: *"Trò Tèo, con nhà nghèo nhưng siêng học, đêm nào cũng ngồi học bài bên cây đèn dầu thấp ngọn leo lét."*

Từ "cầu" còn sinh thêm loại từ "chiếc". Cổ nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng có sáng tác bài *"Chuyện một chiếc cầu đã gãy"* vang danh một thuở: *"Một ngày vào thuở xa xưa trên đất thần kinh. Người bỏ công lao xây chiếc cầu xinh..."*

Thói thường, "chiếc" là loại từ dùng để chỉ trường hợp riêng lẻ của những sự vật có đôi: chiếc giày, chiếc đũa, chiếc nhẫn (cưới), chiếc bông tai, ...; và các phương tiện di chuyển: chiếc xe đạp, chiếc xe bò, chiếc thuyền, chiếc máy bay, ... Nhưng tại sao lại là "chiếc cầu", "chiếc áo", "chiếc hình"? Gương, có thể giải thích, vì cầu, áo là những vật thể có nhiều cơ phận đôi chằng? Còn "hình", lẽ ra phải dùng loại từ "tấm" hoặc "bức", tại sao thỉnh thoảng cũng có thể nói là "chiếc hình"? Không biết giải thích sao cho chính xác.

"Chiếc" cũng còn là loại từ dùng cho "lá" (vì lá thường có dạng lá kép chằng?), chẳng hạn *"Chiếc lá thu phai"*, tựa một ca khúc tuyệt vời của cổ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. *"...Mùa thu qua vội. Mười năm tằm gọt. Giật mình ôi, chiếc lá thu phai..."* Mà "lá" lại là loại từ định hình cho những vật thể mỏng, nhẹ, phát phơ: lá bài, lá thư, lá cờ, ... Hoặc gọi hình chiếc lá: "lá gan", "lá phổi", "lá sách" là những bộ phận trong cơ thể con người, sẽ được bàn thêm ở phần dưới bài viết.

Nhưng, ngộ nghĩnh (hay cắc cớ) ở chỗ, một trang giấy cũng mỏng, cũng nhẹ, cũng phát phơ lại không được ban cho loại từ "lá", mà phải nói là "tờ giấy" mới đúng. Từ đó suy ra một số loại từ đồng dạng: tờ báo, tờ thư (còn gọi là "lá thư" hoặc "bức thư", nhưng khi thư được gói trong phong bì, có lẽ nên nói là "phong thư", nghe đúng hơn).

Nhiều tờ giấy đóng dán lại với nhau, có thể cuộn hay cuốn lại thành "cuốn sách", "cuốn vở", ... Đặc biệt dành riêng cho những danh từ này có loại từ "quyển". Để rồi, chỉ cần nghe nói tới "quyển", ta có thể hình dung ra ngay đó là cái gì: quyển nhật ký, quyển tiểu thuyết, quyển tự điển, v.v... Bàn rộng ra, tập hợp của nhiều "quyển", tiếng Việt nói "bộ" hay "pho": Bộ sách, bộ tiểu thuyết, pho tự điển, pho kinh ... "Bộ" cũng còn là loại từ được dùng để chỉ định nhiều phần riêng lẻ thường được gộp chung với nhau: bộ bài, bộ chữ, bộ chén đĩa, bộ ấm trà, bộ quần áo, bộ bàn ghế, v.v...

Thay vì "bộ bài", "lá bài", người miền Bắc nói "cổ bài", "cây bài", được thi sĩ Hoàng Cầm thắm thì gói ghém trong bài thơ *"Cây tam cúc"*:

*"Cổ bài tam cúc mép cong cong
Rút trộm rom nhà đi trải ô*

...

*Nghé cây bài tìm hơi tóc ấm
Em đừng lớn nữa chị đừng đi*

*Tướng sĩ đỏ đen chui sắp ngựa
Ô rom thom đọng tuổi đương thì ... "*

Khi bài thơ được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc cùng những "Lá diêu bông", "Qua vườn ổi" (tựa đúng của bài thơ là "Quả vườn ổi"), v.v..., cho thâu âm vào giữa thập niên 1980 ở ngoài nước kèm theo lời lý giải cường điệu và cực kỳ "phản động" của chính nhạc sĩ, đã khiến thi sĩ ở trong nước một phen khốn đốn [1]. Bỏ qua những lời bình...trật lắt, cá nhân tôi cho đó là một trong những ca khúc phổ thơ đẹp nhất của tân nhạc Việt nam.

"Bài" cũng là loại từ được dùng cho những danh từ có liên quan tới chữ viết: bài báo, bài hát, bài thơ, ... Đôi khi "bài" đứng trơ trọi một thân một mình vậy thôi, như tựa ca khúc "Bài cho em" của nhạc sĩ Từ Công Phụng; nhưng nghe qua, hiểu ngay ý nhạc sĩ: "Chiều nay ngồi viết riêng cho em, cho em bài hát êm đềm, trôi theo từng tiếng tơ mềm..."

Dùng chung cho trái cây, người miền Nam có "trái" (người miền Bắc nói "quả"): trái chuối, trái xoài, trái măng cầu (quả na), ... Loại hoa trái hay sự vật nào đơm thành chùm, thành nhúm, loại từ cứ vậy mà biến dạng: chùm nho, chùm hoa, chùm chìa khoá, nhúm tóc, chùm lông ... Sau này "chùm" còn mon men len vào lãnh vực thi ca: "Chỉ với chùm thơ năm bài, thi sĩ X đã để lại dấu ấn sâu sắc trong thi đàn Việt nam", nghe rất... ấn tượng.

Rộng hơn, tất cả những gì có hình dạng trái cây, đều mang loại từ "trái" hoặc "quả": quả địa cầu, quả bóng, trái tim, ... Cũng thi sĩ Hoàng Cầm, trong thi phẩm "Namô Xuân":

*"Địa cầu bằng quả táo gầy,
cắn bao giờ chạm ngón tay em cầm ..."*

Cho riêng trứng gà, trứng vịt, Bắc nói "quả", Nam không nói "trái" mà dùng từ "hột"; Bắc đa sự: "quả trứng gà", Nam ngắn gọn: "hột gà". "Hột" hay "hạt" (giọng Bắc) còn là loại từ dành cho những mầm cây trái (có thể suy ra, vì lẽ đó mà người miền Nam nói "hột gà", "hột vịt" chẳng?): Hạt na, hạt nhãn, hột sầu riêng, hột xoài, ... Nhỏ hơn có: hạt tiêu, hạt vừng, hột gạo, v.v... Và, ngay cả những mảnh vụn của tổng thể: hạt sạn, hột cát, hạt mưa ... là những thứ không có mầm miếc gì ráo.

Ca dao Việt nam có những câu tỏ tình mặn mà:

*"Hột muối mặn, ba năm còn mặn.
Lát gừng cay, sắc chín nước còn cay.
Anh thương em cha mẹ không hay,
như ngọn đèn trước gió, biết xoay hướng nào?"*

Hay khi cô con gái ngần ngại buông lời chấp nhận cho duyên phận:

*"Thân em như hạt mưa rào,
hạt rơi giữa chợ, hạt vào vườn hoa.
Thân em như hạt mưa sa,
hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày."*

Phần trên có nhắc tới tóc và lông và loại từ "chùm". Dành cho bộ tóc dài của nữ phái, hồn thơ của người Việt ban cho loại từ "dòng", gọi hình một con sông, dòng suối mượt mà, buông thả sau lưng, trên gối. Còn tóc của nam phái? Ngày xưa cha ông ta

cũng để tóc dài, khi đi ngủ, xoã ra biết đâu chừng trông cũng náo nùng, gọi cảm lắm chứ, nhưng thơ văn kim cổ không thấy ai ca ngợi, rằng "chàng có dòng tóc đen mịn màng..." Không, tuyệt đối không. Mà, tóc đàn ông chỉ là một mớ... lông che đầu không hơn không kém, có được "mái" làm loại từ là phước đức lắm rồi. Thì ra, ngôn ngữ đôi khi cũng biết kỳ thị phái tính. Còn lông? Không nghe ai nói "dòng lông" hay "mái lông" cả, vì lông người không mấy dài và cũng không được mịn màng như tóc. Thôi thì "nhúm", "chùm" vậy! Cùng chung số phận như lông là râu: chòm râu. Trang trọng hơn chút thì nói: bộ râu.

Chẻ tóc, lông và râu ra, tiếng Việt có "cọng" hoặc "sợi":

*"Tóc mai sợi vẫn sợi dài,
lấy nhau chẳng đứt, thương hoài ngàn năm."*

Tương tự vậy, chia trận mưa, cơn nắng ra, có: cọng mưa, sợi nắng, là loại từ ngữ thường được quý vị văn thi sĩ sính dùng. Lấn sang ngôn ngữ ẩm thực, các loại thực phẩm chính cho phở, mì, hủ tiếu, cũng như các món bún, đều là tổng hợp của vô số "sợi", "cọng" mà thành. Mà "cọng" cũng còn là loại từ của rau cỏ:

*"Giờ tay anh bút cọng ngò.
Thương em đứt ruột, anh giả đờ ngó lơ."*

Tới đây, người viết bàn sang những loại từ được dùng cho động vật trong Việt ngữ.

"Người" là một trong nhiều loại từ được dành cho sinh vật người: người đàn ông, người đàn bà, người chủ nhà, người ăn xin, ... Dùng chỉ trẻ nhỏ, hoặc ngụ ý khinh miệt, có "đứa": đứa con trai, đứa con gái, ... hoặc: đứa ở, đứa đứng đường, đứa cờ bạc, ... Hàm ý coi thường, tiếng Việt phân biệt rành rẽ: thằng cha, thằng lưu manh, con mẹ, con gái nước, ... Trừ, lôi cha mẹ ra mà kêu "thằng" với "con", đích thị con nhà mắt dạy, dữ dằn, hỗn ầu. Hay nặng tính kỳ thị chủng tộc: thằng Tây, thằng Mỹ, thằng chà-và, con Đằm, con xầm, ...

Với riêng loại từ "con", người viết nhận thấy có vài điểm đặc thù: vừa dùng ám chỉ thiếu niên nam nữ, vừa phân định giới tính phụ nữ, và định loại cho số đông thằm lạng: thú vật. Có thể kết luận mà không ngại hớ hênh: "Con" là loại từ đặc quyền của tất cả sinh vật. Phát ngôn theo con nhà bình dân, những gì tự chúng có thể cục cựa, nhúc nhích được, đều là "con", từ "con người" cho tới "con vi khuẩn". Ngay tới cánh vật, nếu chuyển động được, là "con" tuốt: con sông, con suối. Đối với "con đường", tuy không trực tiếp chuyển động, nhưng theo tôi, vì dòng xe cộ ngược xuôi khiến ta có cảm giác "đường" cũng chuyển động, thôi thì... "con" luôn cho khoẻ!

Ấy, không đơn giản vậy đâu! Bói lông tìm vết, rốt cuộc cũng ló ra vài thứ không thuộc vào số đông thằm lạng nói trên, không biết nhúc nhích, cục cựa gì ráo, mà "cái" giống người Việt ma mãnh kia, có lẽ nhằm hôm ăn không ngồi rồi, gán luôn cho "con": con ốc (đỉnh vít) và con dao. Cho "con ốc" có thể đôi co lý luận như sau: vì lỗ mang danh nghĩa một loài sinh vật có vỏ cứng, nên thành "con" là phải rồi, oan ức gì nữa? Còn dao? Rắc rối dữ!

May thay, tác giả bài viết này có chút ít khả năng sáng tạo. Xin mời Quý vị và các Bạn theo dõi câu chuyện về nguồn gốc phát sinh loại từ "con" cho dao sau đây, cam đoan hư cấu một trăm phần trăm:

"Xưa kia, xưa lắm... Ngày nọ, thần chữ ra lệnh cho tất cả sinh linh trên địa cầu tới diện kiến để nhận giấy chứng minh loại từ đem về làm ăn. Đúng ngày hẹn, thú, người lũ lượt mang theo đủ mọi đồ vật tới dinh thần chữ. Người và thú đứng một bên. Đồ vật được để riêng một bên. Không khí trong đại sảnh cực kỳ căng thẳng, vì có mặt cả dòng họ nhà dao được bày biện lẫn lộn trong đám đồ vật.

Thần chữ đã từng nghe tiếng con nhà dao bản tính hiếu động, thích gây sự để thoả mãn nhu cầu chặt chém, nên đề nghị với muôn loài và dao rằng:

- Ta ban cho dòng họ nhà người loại từ 'con', biết cử động và có bản phận phục dịch giống người, vậy người hãy qua bên chỗ người và thú mà đứng. Lỡ như các người có nổi máu hung dữ, đòi xin tí huyết, thì chúng nó còn biết đường lẫn tránh.

Bè lũ nhà dao vừa rục rịch, rồn rảng bước qua, thì người và thú hãi quá, giãm lên nhau tìm cách chạy trốn. Quang cảnh vô cùng hỗn loạn. Thần chữ thấy vậy, lập tức làm phép cho dao trở trở bất động trở thành tĩnh vật như cũ. Trong lúc hấp tấp, thần quên rút loại từ 'con'. Lúc nhớ lại, thì dòng họ nhà dao đã qui cố hương mất rồi!"

Khi đề cập tới những bộ phận trong và ngoài cơ thể con người, thấy lộ ra vài điểm cần lưu ý. Cho dễ giải thích, người viết đính kèm dưới đây một bức vẽ của Leonardo da Vinci, tấm "Vitruvmann", nhằm phát hoạ tỉ lệ cân xứng và đối xứng của con người, ở đây là một người



nam:

Thử tưởng tượng có một đường ranh ảo phân đôi người đàn ông theo chiều dọc, ta sẽ được hai phần đối xứng gần như hoàn toàn, có thể gấp lại gần khít khao lên nhau. Những bộ phận nào... xui xẻo nằm tiếp cận ngay trên đường ranh ấy, tạo hoá ban cho chỉ có một. Nằm ngoài, chúng đều có đôi, ngoại trừ tim và... cuống ruột dư.

Trong bài viết này, người viết có ý luận bàn tới những loại từ của Việt ngữ dành cho chúng. Hơi... bị lạ.

Như đã xét ở trên, những gì có đôi có cặp, khi đứng riêng, tiếng Việt có loại từ "chiếc". Nguyên lý này lại không thể áp dụng cho bất kỳ bộ phận đôi nào, bên ngoài cũng như bên trong cơ thể con người. Không ai nói "chiếc" mà phải nói là "con mắt" mới đúng. Nhưng tại sao là "con"? Thôi thì cứ cho là mắt tự nó có thể nhúc nhích được, chẳng hạn trong trường hợp tự nhiên con mắt chớp máy, mà ta cho là đang được (hoặc bị) ai đó vẩy mặt nhắc nhớ (hoặc chửi rửa). Chia riêng đôi tay, ta có "cánh", "bàn" và "ngón tay". Cho bộ nhũ hoa của nữ giới, lại... không là gì cả, vì người phụ nữ nào không may độc nhũ thì khổ, khổ lắm lận, dám chùng ở góa suốt đời. Còn đôi vú kẹp lép của nam giới lại bị người đời quên lãng, vì chúng không giữ nhiệm vụ nào thiết thực cả. Xuống thấp hơn, thấy cặp tinh hoàn, hình dáng tròn tròn giống hòn sỏi, quả trứng thì là "hòn" hoặc "trứng", chớ còn gì nữa. Cho cặp chân, người Việt nói "ống chân", hay rõ ràng hơn: "bắp đùi", "ống quyển", "bàn chân", "ngón chân", v.v...

Săm soi moi móc lục phủ ngũ tạng, loại từ thường gặp là "lá" (đã bàn ở trên). Bộ phận nào có hình dáng như cây trái, lập tức lãnh ngay "trái" hay "quả", chẳng cần cãi cọ, khiếu nại làm gì vô ích: trái thận, trái tim. Ngoài ra, tim tự nó biết phập phồng, còn được ban cho loại từ "con", đúng điệu quá.

Còn cái giống của người nam, người nữ? Dễ hiểu thôi. Của quý ông, nếu gặp đúng đối tượng, đang là "phần mềm" tự động cựa quậy trở thành "phần cứng". Ông thần chữ thấy vậy, không cần suy nghĩ lâu lắc, cho ghi ngay vào sổ sách từ "con", tránh chuyện tranh cãi lôi thôi về sau. Liếc qua cái ấy của quý bà, thấy ù lì, không biết cử động chi hết, kêu lãnh "cái" về, để ghi vào bách khoa tự điển, lưu truyền hậu thế.

Viết về loại từ mà không đã động tới phần ngôn ngữ trừu tượng là một thiếu sót lớn. Ở đây người viết chỉ chú trọng tới loại ngôn ngữ nặng về cảm tính. Có thể phân loại thành hai nhóm: bi và lạc quan. Cho những từ bi quan, người Việt thường nói "nỗi": nỗi buồn, nỗi đau, nỗi ngậm ngùi, nỗi uất ức, ... Từ "nỗi" tự nó đọc lên, khơi dậy trong ta thứ cảm xúc ăm ắp những ấn tượng sâu bi, không được đáp ứng; gần như đối chọi với "niềm": niềm vui, niềm hân hoan, niềm tự hào, ...

Khi gặp phải những từ khó phân loại, "sự" được đem ra sử dụng tuốt: sự việc, sự điều khiển, sự hiểu biết, sự hậu thuẫn, ... Những gì có "sự" gắn vào, trở nên quan trọng hẳn ra: *"Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, nhân dân ta, chặm mà chắc, sẽ từ từ Xuống Hố Cả Nữ."*

Tiếng Việt không thiếu, mà có thể nói là lạm phát, những ngữ vựng trừu tượng loại ấy. Nếu thiếu, là thiếu những từ ngữ học thuật, thí dụ dành cho triết học. Xưa cũng như nay, chủng tộc Việt không có ai có thể được gọi là triết gia, nói chi tới lỗi lạc. Tiếng Việt không phải là thứ tiếng dùng để biện luận như tiếng Trung hoa, tiếng Ấn ở phương đông hay tiếng La-tinh, tiếng Đức, tiếng Pháp ở phương tây.

Trong bài tiểu luận *"Đố kỵ cái trừu tượng"* [\[2\]](#) của nhà văn Võ Phiến, có đoạn:

"Người có hai phía: phía cảm thụ, phía suy tư; văn có hai thứ: thứ nghệ thuật, thứ luận thuyết. Ta xuất sắc về một phía thứ nhất. Không chùng đó lại là phía hay ho đa. Có được các giác quan mẫn nhuệ, có cảm xúc tinh vi, ta tha hồ hưởng thụ, sống một"

đời phong phú, đậm đà. Phía thứ nhất mà kém, không thể trông cậy vào ai được; ta không thể mượn chiếc lưỡi tinh tế của kẻ khác để thưởng thức chén trà ngon, tô phở ngon, ta không thể nghe nhạc hay bằng đôi tai sành sỏi của kẻ khác, không thể xem tranh ngoạn cảnh bằng mắt kẻ khác, yêu đương rào rạt bằng con tim kẻ khác. Một dân tộc có thiên khiếu về cái cụ thể, một dân tộc sở hữu những giác quan tinh nhạy không phải là được Trời cưng sao?"

Tôi xin được thêm thắt đôi điều: Chữ viết là biểu tượng của tiếng nói, mà tiếng nói, tôi nghĩ, là một sự thoả thuận giữa một số người chia sẻ nhau ít nhiều điểm chung. Chung điểm lớn nhất là có cùng bản sắc, cùng tạng An-nam-mít. Cái tạng ấy, từ nào tới giờ, có hài tính cao, giàu tưởng tượng, nặng "tình" hơn "lý", tranh cãi giỏi hơn biện luận, chuộng cái qua quít hơn tinh tế, thích điều đơn giản hơn phức tạp, xét đoán mông lung hơn tập trung, ... Tất cả những ưu và khuyết điểm này được biểu lộ tương đối rõ trong ngôn ngữ Việt nam, điển hình là kho tàng ca dao truyền khẩu vô cùng phong phú, mà từ đó ta có thể nhật ra cái Việt-tính tiềm tàng bấy lâu nay.

Có điều mà cá nhân tôi cứ hoài nghi, không hiểu từ "đực" trong "đực rựa" có thật sự là loại từ hay không? Thì ra, ngay bản thân tôi cũng còn lăm lăm bối bối, đâu chỉ riêng gì "con" với "cái".

[1] <http://www.vietnhim.com/dongnhim/archive/index.php/t-20794.html>

[2] <http://vantuyen.net/index.php?view=story&subjectid=5082>